

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

(Giấy CNĐKKD số 0103018208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/06/2007; và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 17/06/2009)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số [] do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày [•] tháng [•] năm 2010)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

• CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Trụ sở chính : Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (84.4) 38 27 23 12 Fax: (84.4) 38 27 22 92

Website : www.vinacap.vn Email: vinacap@vinacap.vn

• CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 72, Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3824 2897 Fax: (848) 3824 7430

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: Số 1C, Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 6321 Fax: (84.4) 3936 6318

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hải Phòng

Địa chỉ: Số 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3 569 123 Fax: (84.31) 3 569 130

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ông Ngô Hồng Quân

Điện thoại: (84.4) 35377989

Chức vụ: Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

(Giấy CNĐKKD số 0103018208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/06/2007; và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 17/06/2009)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng

Mệnh giá: 10.000 đồng

Giá bán:

- ❖ Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/ cổ phần
- ❖ Chào bán cho cán bộ công nhân viên: 10.000 đồng/cổ phần
- ❖ Chào bán cho cổ đông chiến lược: 12.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng chào bán: 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) cổ phần

- ❖ Phát hành cho cổ đông hiện hữu;
 - **Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng**
 - **Số lượng 2.000.000 (Hai triệu) cổ phần**
- ❖ Phát hành cho cán bộ công nhân viên
 - **Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng**
 - **Số lượng 500.000 (Năm trăm nghìn) cổ phần**
- ❖ Phát hành cho đối tác chiến lược
 - **Cổ phiếu phổ thông, hạn chế chuyển nhượng là 1 năm;**
 - **Số lượng 1.000.000 (Một triệu) cổ phần;**

Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá): 35.000.000.000 (Ba lăm tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- ❖ Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Thành viên INPACT quốc tế.

Trụ sở chính: Số 1, Đường Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3824 1990/1 Fax: (84.4) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3824 2897 Fax: (84.8) 3824 7430
Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821 8567 Fax: (84.8) 3291 0590

Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: Số 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 3936 6321 Fax: (84.4) 3936 6318

Chi nhánh Trần Bình Trọng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 3942 6718 Fax: (84.4) 3942 6719

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: Số 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại: (84.31) 3 569 123 Fax: (84.31) 3 569 130

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Chi nhánh Quảng Ninh

Địa chỉ: Toà nhà Đại Hải, 156B Lê Thánh Tông, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: (84.33) 381 5678 Fax: (84.33)381 5680

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 4 Lê Lợi, Vũng Tàu, Hồ Chí Minh
ĐT: (84.64) 352 1906 Fax: (84.64) 352 1907

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN..... | 6 |
| 1. Rủi ro về kinh tế..... | 6 |
| 2. Rủi ro về luật pháp | 7 |
| 3. Rủi ro đặc thù | 7 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán..... | 8 |
| 5. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán | 8 |
| 6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu | 9 |
| 7. Rủi ro khác | 9 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 10 |
| 1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP)..... | 10 |
| 2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội | 10 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM | 11 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 12 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 12 |
| 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty | 16 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty..... | 17 |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ | 22 |
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành..... | 23 |
| 6. Hoạt động kinh doanh | 24 |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2008 - 2009..... | 33 |
| 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 35 |
| 9. Chính sách đối với người lao động | 37 |
| 10. Chính sách cổ tức | 39 |
| 11. Tình hình tài chính..... | 40 |
| 12. Các chỉ tiêu cơ bản..... | 40 |
| 13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng | 44 |
| 14. Tài sản | 58 |
| 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo | 61 |
| 16. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 61 |
| 17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành | 62 |
| 18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu. | 62 |
| V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN | 63 |
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 67 |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

| | |
|--|-----------|
| 1. Mục đích chào bán | 67 |
| 2. Phương án khả thi | 67 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 68 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN | 69 |
| 1. Tổ chức Tư vấn | 69 |
| 2. Tổ chức Kiểm toán | 69 |
| IX. PHỤ LỤC..... | 70 |

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**1. Rủi ro về kinh tế****1.1 Tăng trưởng kinh tế**

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình giai đoạn 2003-2007 là 8.01%/năm (Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam). Tuy nhiên, do ảnh hưởng chung từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, GDP năm 2008 và 2009 chỉ đạt mức tăng trưởng ở tỷ lệ 6,18% và 5,32% (Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam). Mặc dù nền kinh tế đang có dấu hiệu phục hồi trong năm 2009, kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn. Vì vậy, việc xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn này đối với các doanh nghiệp thực sự là bài toán không đơn giản.

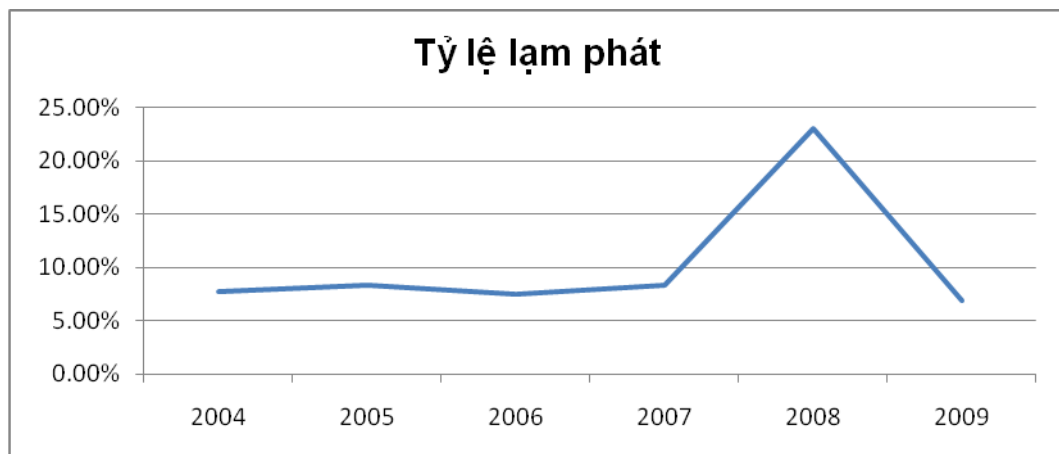
Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới còn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan biến động khó lường như giá dầu, giá vàng, giá nguyên vật liệu, năng lượng... Những nhân tố này có ảnh hưởng lớn đến sự tăng trưởng của nền kinh tế và tất yếu sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, theo nhận định của các chuyên gia phân tích kinh tế, kinh tế thế giới và Việt Nam sẽ sớm phục hồi và tăng trưởng ổn định trong những năm tới. Niềm tin lạc quan về sự phục hồi của nền kinh tế sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước trong đó có các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật tư (cáp), vật liệu, thiết bị phục vụ sự phát triển mạnh mẽ của ngành bưu chính viễn thông và ngành điện lực Việt nam.

Lạm phát

Trong năm 2009, lạm phát ở mức có kiểm soát với tỷ lệ 6,88%, nhưng tốc độ tăng trưởng của cả nước chỉ đạt 5,32%, đầu tư nước ngoài vào giảm 13% so với 2008.

Đồ thị 1: Tỷ lệ lạm phát từ năm 2004 tới năm 2009:



Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như sản phẩm dịch vụ đầu ra của Công ty. Nó sẽ gây khó khăn cho Công ty trong việc điều chỉnh các chiến lược phù hợp với môi trường kinh doanh đang có những biến động mạnh.

Tuy nhiên với nhận định lạc quan về sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sau khủng hoảng, triển vọng phát triển của ngành sản xuất vật liệu, thiết bị phục vụ cho những ngành hạ tầng thiết yếu như viễn thông và điện lực được đánh giá là tốt trong thời gian tới. Chính vì vậy có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với Công ty là không cao.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Khi có những thay đổi trong chính sách quản lý về vĩ mô của Chính phủ bao gồm chậm trễ trong việc thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình gia nhập WTO hay những thay đổi về chính sách xuất nhập khẩu... đều có những tác động bất lợi đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Khuôn khổ pháp luật và chính sách hiện nay đang tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại. Các chính sách pháp luật đó vẫn còn đang trong giai đoạn đầu phát triển kể từ khi chính sách “đổi mới” bắt đầu năm 1986. Trong những năm gần đây, mặc dù hệ thống pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều mâu thuẫn chồng chéo giữa các văn bản luật từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Là doanh nghiệp cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất của Công ty chịu sự quản lý chặt chẽ về điều kiện vệ sinh và vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường của các cấp quản lý nhà nước. Hiện tại, Công ty có quy trình sản xuất khép kín không ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, xét tình hình thực tế của Công ty, rủi ro về pháp luật liên quan đến vệ sinh ô nhiễm môi trường ít có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính dùng trong sản xuất dây cáp điện và cáp viễn thông lõi đồng là sợi đồng thành phẩm với các kích thước được thiết kế theo công suất truyền tải. Sản lượng đồng sản xuất của các quốc gia xuất khẩu có ảnh hưởng lớn đến nguồn cung cấp nguyên liệu cho doanh nghiệp. Theo dự báo của Nhóm nghiên cứu Đồng Quốc tế (ICSG), sản lượng đồng tinh luyện trong năm 2010 sẽ được giữ vững và có thể đạt mức tăng trưởng nhẹ 0,6% lên 18,5 triệu tấn. Đồng cũng là một trong những mặt hàng dẫn đầu thế giới về tốc độ tăng giá năm 2009, giá đồng tăng 140% đạt mức 7.415 USD/ tấn vào kết thúc năm so với 2.825 USD/ tấn cuối năm 2008. Nguyên nhân của việc biến động giá đồng cũng tương tự như các sản phẩm từ kim loại màu là do sự biến động kinh tế, chính trị của các quốc gia khai thác và sản xuất như Chile, Indonesia, Mongolia.... cũng như nhu cầu nhập khẩu của các quốc gia tiêu thụ đồng như Trung Quốc, Mỹ.... Theo dự báo của Ngân hàng Morgan Stanley, giá đồng sẽ tiếp tục tăng trong năm 2010 do sự hồi phục kinh tế của các nước sau khủng hoảng kinh tế thế giới.

Hiện nay trên thế giới có nhiều nhà sản xuất sợi quang, một trong những nguyên vật liệu chính sản xuất cáp quang. Trong đó, Nhật, Mỹ, Hàn Quốc ...là các quốc gia có chất lượng sản phẩm tốt nhất do ứng dụng các công nghệ hiện đại và thừa hưởng kết quả của nhiều năm kinh nghiệm nghiên cứu, phát triển sản phẩm sợi quang. Giá sợi quang tương đối ổn định và bị ảnh hưởng chủ yếu bởi chính sách thuế nhập khẩu của các nước nhập khẩu.

Một trong những loại nguyên liệu quan trọng dùng trong sản xuất dây cáp điện và cáp viễn thông là nhựa PPE, sản xuất vỏ bọc các sợi quang và sợi đồng được mua từ các nhà phân phối trong nước. Với nguồn cung dồi dào và giá cả cạnh tranh là một lợi thế cho quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

Rủi ro tỷ giá

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ của Công ty, các nguyên vật liệu đầu vào phần lớn là hàng nhập khẩu và được thanh toán bằng ngoại tệ nhưng tiền thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ là đồng Việt Nam. Vì vậy, nếu có sự biến động lớn về tỷ giá hối đoái, doanh thu và lợi nhuận của Công ty có thể bị ảnh hưởng trực tiếp. Tuy nhiên, Công ty luôn thực hiện dự báo tỷ giá và có kế hoạch nhập hàng thích hợp để giảm tối đa rủi ro này.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Công ty hiện đã đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh với nhiều sản phẩm khác nhau: Cáp các loại; Thiết bị đầu cuối viễn thông (máy tính 3G, điện thoại Avio...); Thiết bị điện (Bóng compact, ổ cắm, máng đèn...); Vật tư (Simcard, phụ kiện)

Mặt hàng cáp và vật liệu viễn thông trên thị trường hiện nay chủ yếu cung cấp cho các khách hàng tiêu thụ chính như Tập đoàn Bưu chính, Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (Viettel), Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT), Tập đoàn FPT ... Do đó việc phân phối và tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu thông qua đấu thầu trong khi đó cạnh tranh trong đấu thầu ngày càng gia tăng khi hầu hết các doanh nghiệp đều cố gắng hạ giá chào thấp nhất. Mặt khác, theo tiến trình hội nhập và mở cửa kinh tế thì những rào cản đối với những sản phẩm nhập khẩu cũng được gỡ bỏ đồng thời với sự góp mặt ngày càng nhiều của các doanh nghiệp cả trong và ngoài nước tham gia vào lĩnh vực sản xuất cáp càng làm gia tăng thêm áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành.

Mặt hàng Dây cáp điện và thiết bị điện chủ yếu cung cấp cho tiêu dùng dân sinh, qua kênh phân phối thiết lập trên toàn quốc. Đây là thị trường cạnh tranh quyết liệt, với nhiều nhãn hiệu và chất lượng khác nhau. Do vậy, có sự rủi ro về chi phí trong cạnh tranh tăng cao, uy tín của nhà sản xuất. Tuy nhiên, theo thời gian thương hiệu sản phẩm tăng lên, kênh phân phối rộng hơn thì khả năng bán hàng tốt hơn, giá cả dễ được chấp nhận hơn.

Mặt hàng thiết bị đầu cuối viễn thông (máy tính 3G, điện thoại di động AVIO) là những sản phẩm có nhu cầu cao trên thị trường, nhất là khi công nghệ 3G đang được phát triển mạnh, mức tăng trưởng bình quân của thị trường là 45%/năm. Là thương hiệu ra sau Công ty sẽ có rủi ro trong việc khẳng định thương hiệu, cạnh tranh với các thương hiệu nổi tiếng. Tuy nhiên, sản phẩm của Công ty đã được tích hợp với dịch vụ viễn thông của VNPT (Vinaphone) nên được hỗ trợ thương hiệu và thị trường đây là sự khác biệt mang đến những thuận lợi cho công ty.

Mặt hàng cung cấp vật tư cho mạng viễn thông (Simcard, phụ kiện...), công ty có thuận lợi là Nhà phân phối cho hãng sản xuất Sim của pháp Gemato, là hãng cung cấp uy tín tại thị trường Việt nam. Tập đoàn VNPT đã có chỉ thị về việc gắn kết hoạt động giữa các đơn vị thành viên giúp đỡ cho việc mua bán thuận lợi. Tuy nhiên công ty cũng có rủi ro về việc giảm giá sản phẩm và tỷ giá thanh toán nhập khẩu.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc chào bán cổ phần bổ sung tăng vốn điều lệ của Công ty sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường, do đó nếu Công ty vẫn duy trì tỷ lệ trả cổ tức như các năm hiện tại thì cần lượng tiền chi trả cổ tức nhiều hơn. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh có biến động theo chiều hướng xấu hoặc có các cơ hội đầu tư mới, Công ty sẽ có thể đứng trước áp lực về việc trả cổ tức hoặc nguồn vốn tái đầu tư. Tuy nhiên, vốn huy động từ đợt phát hành này sẽ được sử dụng trên cơ sở các tính toán cẩn trọng về trên nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cấu trúc nợ/ vốn chủ sở hữu theo hướng tối ưu nhất nhằm mục đích mang lại lợi ích dài hạn cho cổ đông.

Đợt phát hành này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra rủi ro số lượng cổ phần phát hành không được mua hết và số lẻ phát sinh khi chào bán ra công chúng dưới hình thức đấu giá cạnh tranh (nếu có). Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết và số lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được xử lý theo hướng giữ lại để gộp với đợt phát hành tiếp theo thông qua phương thức đấu giá.

Đồng thời Hội đồng quản trị cũng chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh nếu phát sinh.

5. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng, hiện nay Công ty thường xuyên phải duy trì dư nợ vay vốn lưu động khoảng 120 tỷ đồng. Vì vậy, việc phát hành thêm cổ phần bổ sung vốn lưu động là rất cần thiết nhằm mục đích cơ cấu lại nguồn vốn, giảm chi phí lãi vay cho hoạt động kinh doanh, giảm áp lực thanh

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

toán, tăng hiệu quả của đòn bẩy tài chính. Các rủi ro sử dụng nguồn vốn từ đợt phát hành đã được tính toán và giảm đến mức tối thiểu.

6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu. Ngoài ra, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) cũng sẽ giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Vì vậy, tỷ suất lợi nhuận sau khi phát hành cổ phần nhiều khả năng sẽ giảm so với trước khi phát hành. Giá cổ phiếu sau khi chào bán có thể bị ảnh hưởng.

$$\text{EPS cơ bản} = \frac{\text{Lợi nhuận dự kiến phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành}} = \frac{16.500.000.000}{10.000.000} = 1.650$$
$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lợi nhuận dự kiến phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành + Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông sẽ phát hành}} = \frac{16.500.000.000}{11.467.123} = 1.438$$

$$\text{EPS giảm} = 1.650 - 1.438 = 212 \text{ đồng / cổ phiếu}$$

Trong đó:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận dự kiến phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông} &= \text{Lợi nhuận trước thuế dự kiến 2010} \times (1 - \text{Thuế suất thuế TNDN}) \\ &= 22.000.000.000 \times (1 - 25) = 16.500.000.000 \end{aligned}$$

❖ Lợi nhuận trước thuế dự kiến năm 2010 được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 số 031/10/NQ-ĐHĐCĐ.

- ❖ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu
- ❖ Số lượng cổ phiếu sẽ phát hành: 3.500.000 cổ phiếu
- ❖ Thời điểm dự kiến kết thúc đợt phát hành: Quý 3 năm 2010.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,...đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng lớn tới nhà máy như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn)..

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình thi công như: Tai nạn lao động hay các sự cố trong quá trình lao động. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP)

- ❖ Ông Nguyễn Mạnh Thắng Chủ tịch HĐQT
- ❖ Ông Ngô Hồng Quân Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- ❖ Ông Ngô Hữu Tâm Chức vụ: Thư ký HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

- ❖ Đại diện: Bà Trần Thị Thúy Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|---------------|--|
| ❖ UBCKNN | Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước |
| ❖ SGDKHN | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| ❖ TTCK | Thị trường chứng khoán |
| ❖ Công ty | Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) |
| ❖ VINACAP | |
| ❖ Điều lệ | Điều lệ Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) |
| ❖ SSI | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn |
| ❖ Giấy CNĐKKD | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| ❖ ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| ❖ BKS | Ban Kiểm soát |
| ❖ BGĐ | Ban Giám đốc |
| ❖ CK | Chứng khoán |
| ❖ TSCĐ | Tài sản cố định |
| ❖ KT – KCS | Kỹ thuật – Kiểm tra chất lượng sản phẩm |
| ❖ Thuế TNDN | Thuế Thu nhập doanh nghiệp |
| ❖ CĐ | Cổ đông |
| ❖ ĐVT | Đơn vị tính |
| ❖ CBCNV | Cán bộ, công nhân viên |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Thông tin chung

- ❖ Tên gọi: Công ty Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP)
- ❖ Tên tiếng Anh: Cable and Network Materials Joint Stock Company
- ❖ Tên viết tắt: VINACAP.,JSC
- ❖ Trụ sở: Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
- ❖ Điện thoại : (84.4) 38272312 Fax: (84.4) 38272292
- ❖ Website: www.vinacap.vn Email: vinacap@vinacap.vn
- ❖ Mã số thuế: 0102306413
- ❖ Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)



❖ Logo:

❖ Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103018208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 28/06/2007; và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 17/06/2009, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

- Sản xuất, kinh doanh các loại dây (kể cả dây điện tử) và cáp. Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đầu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác.
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện dân dụng, công nghiệp.
- Mua bán, đại lý phân phối các nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ sản xuất kinh doanh.
- Xuất nhập nguyên vật liệu, sản phẩm cáp, vật liệu điện công nghiệp-dân dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nghiên cứu, sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học.
- Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông điện, điện, điện tử và tin học. Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học.
- Chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học.
- Cho thuê các máy móc, thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học.
- Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.
- Môi giới thương mại.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 11/1992: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam liên doanh với hãng Daesung của Hàn Quốc để thành lập Công ty liên doanh cáp Vinadaesung. Công ty liên doanh đầu tiên của ngành BCVT Việt nam

Năm 1993: Khánh thành dây chuyền sản xuất cáp thông tin liên hoàn CCP đầu tiên.

Năm 1995: Công ty liên doanh cáp Vinadaesung tăng vốn đầu tư (lần 1) lên gấp 2 lần so với vốn ban đầu.

Năm 1996: Khánh thành dây chuyền sản xuất thứ hai, sản xuất cáp viễn thông cách điện tổ hợp Foam-Skin và nhận chứng chỉ chất lượng ISO 9002 do tổ chức quốc tế AFAQ Acsert International (CH Pháp) và QUACERT (Việt Nam) cấp.

Năm 1998: Công ty liên doanh cáp Vinadaesung nâng vốn đầu tư lên gấp 5 lần so với ban đầu, vào năm 1999, công ty lần đầu tiên xuất khẩu lô cáp sang Hồng Kông.

Tháng 3/2001: Tập đoàn NEXANS mua và đổi tên hãng Daesung thành NEXANS Korea, cùng với NEXANS Korea, Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung trở thành thành viên của tập đoàn NEXANS, nhà sản xuất cáp và hệ thống mạng hàng đầu thế giới. Nhận chứng chỉ chất lượng ISO 9001: 2000 do tổ chức quốc tế TÜV CERT - TÜV Nord (CH Liên bang Đức cấp).

Năm 2003: Triển khai dự án thứ 4 “Sản xuất cáp truyền số liệu, mạng cáp Lan trên cơ sở áp dụng công nghệ tiên tiến tạo lớp xoắn bằng phương pháp vật lý; tạo cách điện tổ hợp 3 lớp Skin/ Foam/ Skin” hiện đại nhất Việt Nam.

Tháng 6/2007: Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) được thành lập để chuẩn bị tiếp quản hoạt động của Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung, các cổ đông sáng lập bao gồm: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Công ty Điện lực miền Bắc (EVN-NPC) nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (COKYVINA).

Ngày 28/06/2007: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký kinh doanh số 0103018208.

Ngày 9/11/2007 Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) chính thức tiếp quản tài sản và mọi hoạt động của Công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung để đi vào hoạt động.

Năm 2008: Dây chuyền sản xuất cáp quang được đưa vào hoạt động, công ty lần đầu tiên có sản phẩm cáp quang mới hoàn toàn.

Năm 2009: Dây chuyền sản xuất cáp điện dân dụng hiện đại được đưa vào hoạt động, công ty chính thức xâm nhập thị trường Dây cáp điện. Đồng thời là nhà phân phối sản phẩm Simcard cho hãng Gemato. VINACAP – VINAPHONE – HP ký thoả thuận để phân phối sản phẩm Laptop 3G có tích hợp dịch vụ viễn thông, Vinacap chính thức tham gia phân phối thiết bị công nghệ thông tin.

Năm 2010: VINACAP tổ chức nghiên cứu và phát triển điện thoại di động 2 sim mang nhãn hiệu AVIO. VINACAP – VINAPHONE ký thoả thuận để sản xuất và cung cấp máy điện thoại di động có tích hợp dịch vụ Vinaphone tạo thành bộ hoà mạng Alo_Avio độc đáo. Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần

BẢN CÁO BẠCH

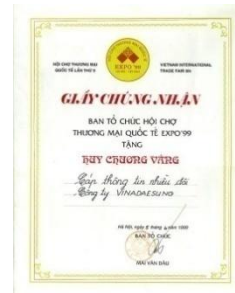
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Cáp và Vật liệu Mạng thành Công ty Cổ phần VINACAP

1.3 Các thành tích

Là một trong những nhà sản xuất các loại cáp có uy tín nhất từ năm 1992, từ công ty Liên doanh Vinadaesung nay trở thành Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP), công ty đã tiến hành đa dạng hoá nhanh chóng, ngày càng khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước. Sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao, đạt nhiều thành tích trong các kỳ tham gia hội chợ triển lãm, các cuộc bình chọn sản phẩm chất lượng, thương hiệu uy tín.

- ❖ Năm 1998: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các giải thưởng về chất lượng



- ❖ Năm 2001: Bằng khen của Bộ thương mại
- ❖ Năm 2003: Huân chương lao động hạng ba



- ❖ Năm 2004: Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội, Bằng khen của Ban chấp hành liên đoàn lao động Việt nam.
- ❖ Năm 2005: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam, Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn Bưu điện Việt nam, Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội.



- ❖ Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng .
- ❖ Năm 2007: Cờ thi đua của Bộ Thông tin Truyền thông
- ❖ Năm 2008: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- ❖ Năm 2009: Cờ thi đua của Bộ Thông tin & Truyền thông, Huy chương vàng Hội trợ triển lãm, và nhận giải thưởng Top 100 thương hiệu mạnh Việt Nam 2009 do thời báo Kinh Tế bầu chọn.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

1.4 Quá trình tăng vốn

Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng

Đơn vị: đồng

| Thời gian | Vốn điều lệ Đăng ký | Vốn thực góp | Giá trị tăng vốn thực góp | Phương thức |
|------------|------------------------|-----------------|------------------------------|--------------------|
| 28/06/2007 | 100.000.000.000 | 89.194.000.000 | 89.194.000.000 | Góp vốn thành lập |
| 12/10/2009 | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 | 10.806.000.000 | Phát hành riêng lẻ |

Nguồn: VINACAP

Phát hành tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng:

- Căn cứ vào Nghị quyết HĐQT ngày 12/10/2009
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 1.080.600 cổ phần
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 10.806.000,000 đồng
- Mục đích phát hành: Để đảm bảo đủ vốn điều lệ 100 tỷ đồng theo Giấy đăng ký kinh doanh, bổ sung một phần vốn lưu động cho công ty trong tình trạng thiếu vốn, chi phí vay vốn tăng cao và bổ sung vốn đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cho công ty.
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 01/12/2009
- Đối tượng phát hành: Ưu tiên bán cho CBCNV Công ty theo khả năng đăng ký. Trong trường hợp bán không hết thì phát hành cho các cổ đông khác quan tâm.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP)



Trụ sở hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng

Địa chỉ : Đốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại : 04.3827312

Fax : 04.382722292

Website : www.vinacap.vn

Email : vinacap@vinacap.vn

Số nhân viên : 100

Văn phòng tại Hà Nội

Địa chỉ : 25/5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 04.35377989

Fax : 04.35377988

Website : Vinacap.vn

Email : vinacap@vinacap.vn

Số nhân viên: 40

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu mạng (VINACAP) được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.
- ❖ Điều lệ Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng ngày 23/07/2007,
- ❖ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 001/07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/07/2007 của Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng.

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất và quyết định mọi vấn đề lớn của Công ty

- ❖ Thông qua Điều lệ, tổ chức hoạt động, phương hướng sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Công ty.
- ❖ Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- ❖ Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

3.2 Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- ❖ Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ❖ Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;
- ❖ Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- ❖ Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- ❖ Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- ❖ Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 05 thành viên, bao gồm:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| ▪ Ông Nguyễn Mạnh Thắng | Chủ tịch HĐQT |
| ▪ Ông Ngô Hồng Quân | Ủy viên HĐQT/ Tổng Giám Đốc |
| ▪ Bà Đỗ Nguyệt Ánh | Ủy viên HĐQT |
| ▪ Ông Nguyễn Kim Kỳ | Ủy viên HĐQT |
| ▪ Ông Trần Xuân Thái | Ủy viên HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc |

Ngoài ra công ty có Thư ký công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

- ❖ Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông.
- ❖ Làm biên bản và tư vấn về thủ tục các cuộc họp
- ❖ Cung cấp thông tin cho các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

3.3 Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy do Tổng giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Danh sách Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

- | | |
|----------------------|--------------------------------|
| ▪ Ông Ngô Hồng Quân | Ủy viên HĐQT/Tổng Giám Đốc |
| ▪ Ông Trần Xuân Thái | Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám Đốc |
| ▪ Ông Phạm Văn Ninh | Phó Tổng Giám Đốc |

3.4 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của công ty bao gồm:

- | | |
|-------------------------|------------|
| ▪ Ông Nguyễn Mạnh Hà | Trưởng ban |
| ▪ Ông Lê Thanh Bình | Thành viên |
| ▪ Bà Trần Thị Tuyết Mai | Thành viên |

3.5 Các phòng ban chức năng

❖ **Phòng tổ chức – Hành chính** là bộ phận tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ được Ban giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành các lĩnh vực: tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe và hành chính quản trị, văn thư, lưu trữ.

- Tham mưu cho Ban giám đốc về công tác tổ chức, công tác cán bộ xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật lao động.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Lập kế hoạch trang cấp bảo hộ lao động hàng năm, theo dõi cấp phát và sử dụng, giám sát, đôn đốc các tập thể, cá nhân thực hiện đúng các qui phạm kỹ thuật an toàn, các nội qui vận hành sử dụng máy, thiết bị, phối kết hợp với các phòng ban ở nhà máy tổ chức huấn luyện an toàn theo định kỳ.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật vào hoạt động của công ty. Thường xuyên, liên tục cập nhật các thông tin pháp luật, văn bản pháp luật phục vụ cho hoạt động của công ty. Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động.
- Tiến hành công tác thi đua khen thưởng và các thủ tục xử lý kỷ luật người lao động vi phạm nội quy lao động.
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty.
- Quản lý đất đai, nhà cửa, kho xưởng, thiết bị văn phòng, dụng cụ hành chính của Công ty. Quản lý con dấu của Công ty, công văn tài liệu, giao nhận công văn đi và công văn đến.
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc.

- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của công ty ...

❖ **Phòng kế toán:** có chức năng tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ được Ban giám đốc giao trong việc quản lý, điều hành toàn bộ công tác tài chính, kế toán, hạch toán kinh doanh trong Công ty.

- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về các chính sách tài chính, đầu tư tài chính của Công ty.
- Xây dựng Quy trình thu tiền bán hàng và quản lý hệ thống tài chính của Công ty.
- Phân tích, lập các báo cáo Ban giám đốc và các cơ quan quản lý cấp trên định kỳ tháng/ quý/ năm và theo yêu cầu để phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc.

▪ Tính toán giá thành sản phẩm nhập kho hàng tháng, xác định doanh thu và giá vốn hàng bán. Quản lý các kho, quản lý và tính toán khấu hao tài sản cho Công ty.

▪ Thực hiện các hoạt động thanh toán, thu hồi công nợ, quản lý các quỹ của Công ty, quản lý phần vốn góp hoạt động đầu tư tài chính của Công ty tại các doanh nghiệp khác.

- Thực hiện hạch toán ban đầu, hạch toán giá thành sản phẩm.
- Xây dựng dự toán, ký hợp đồng kinh tế, quản lý thu, chi; kiểm tra giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn cố định, vốn lưu động, thực hiện các công tác nghiệp vụ kế toán; thường xuyên đối chiếu, theo dõi tình hình công nợ và đề xuất với lãnh đạo Công ty hướng giải quyết.

▪ Tính lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thanh toán lương cho các thành viên trong Công ty.

- Giải quyết mọi vấn đề liên quan đến công việc kế toán trong Công ty.
- Thực hiện các Công tác liên quan đến thuế.

❖ **Phòng Kinh doanh Viễn thông và Công nghệ thông tin:** Phòng Kinh doanh có chức năng tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ được Ban giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin của Công ty.

▪ Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc chiến lược, chính sách bán hàng, phương án tác nghiệp thị trường sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin.

▪ Nghiên cứu, phân tích, phân đoạn thị trường. Dự báo nhu cầu các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Đề xuất các biện pháp kinh doanh, bán hàng, marketing trong từng giai đoạn, từng vùng thị trường. Đề xuất phương án phát triển, mở rộng hoặc hạn chế các sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

▪ Phối hợp với các bộ phận sản xuất, quản lý chất lượng đảm bảo cung ứng kịp thời sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin cho khách hàng. Phối hợp với phòng Tài chính kế toán trong việc lập và phân tích giá bán các sản phẩm, xây dựng quy trình thu tiền bán các sản phẩm viễn thông.

▪ Tổ chức các hoạt động xúc tiến bán hàng như quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng, tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm, hội thảo nhằm nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường.

- Giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến sản phẩm và dịch vụ.

▪ Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc chiến lược, chính sách bán hàng, phương án tác nghiệp thị trường sản phẩm Công nghệ 3G.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

- Nghiên cứu, phân tích, phân đoạn thị trường. Dự báo nhu cầu các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Đề xuất các biện pháp kinh doanh, bán hàng, marketing trong từng giai đoạn, từng vùng thị trường. Đề xuất phương án phát triển, mở rộng hoặc hạn chế các sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến bán hàng như quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng, tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm, hội thảo nhằm nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường.

- Giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến sản phẩm và dịch vụ.

- Thực hiện các công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm: tìm hiểu khách hàng, tích hợp hệ thống, tạo các kiểu dáng tiện ích theo nhu cầu của khách hàng. Xây dựng giải pháp cho các hệ thống mạng LAN, WAN, INTERNET... cùng với thiết bị công nghệ tiên tiến nhất của mạng 3G và công nghệ mạng khác để đưa ra giải pháp thích hợp cho nhà sản xuất.

- ❖ **Phòng Kinh doanh Điện dân dụng:** có chức năng tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ được Ban giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành trong các lĩnh vực liên quan đến sản phẩm điện dân dụng:

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc chiến lược, chính sách bán hàng, phương án tác nghiệp thị trường sản phẩm điện dân dụng.

- Nghiên cứu, phân tích, phân đoạn thị trường. Dự báo nhu cầu các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Đề xuất các biện pháp kinh doanh, bán hàng, marketing trong từng giai đoạn, từng vùng thị trường. Đề xuất phương án phát triển, mở rộng hoặc hạn chế các sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Phối hợp với các bộ phận sản xuất, quản lý chất lượng đảm bảo cung ứng kịp thời sản phẩm Điện dân dụng cho khách hàng. Phối hợp với phòng Tài chính kế toán trong việc lập và phân tích giá bán các sản phẩm, xây dựng quy trình thu tiền bán các sản phẩm.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến bán hàng như quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng, tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm, hội thảo nhằm nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường.

- Giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến sản phẩm và dịch vụ.

- ❖ **Phòng Vật tư thương mại:** có chức năng tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ được Ban giám đốc giao trong lĩnh vực mua, nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc, phụ tùng, công cụ, dụng cụ... phục vụ sản xuất của Công ty. Phụ trách các vấn đề liên quan đến việc xây dựng, duy trì và phát triển thương hiệu của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện mua, cung cấp kịp thời phục vụ sản xuất. Tham mưu cho Ban giám đốc trong việc mua vật tư, nguyên vật liệu dự trữ cho sản xuất.

- Bám sát thị trường cung cấp, tìm kiếm các nhà cung cấp, giải quyết các công việc liên quan để mua vật tư với giá hợp lý nhất, chất lượng đảm bảo, thời gian cung ứng kịp thời.

- Chịu trách nhiệm giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc... như thủ tục hải quan, vận chuyển hàng về nhà máy.

- Phối hợp, hỗ trợ các phòng kinh doanh trong công tác xuất khẩu sản phẩm.

- Phối hợp với các Phòng ban khác xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu Công ty.

- ❖ **Phòng Sản xuất:** có chức năng quản lý, tổ chức sản xuất; quản lý, bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị của xưởng sản xuất, quản lý điện.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

- Lập kế hoạch sản xuất trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Lập kế hoạch nhu cầu vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ cho nhu cầu sản xuất.
- Tổ chức sản xuất theo yêu cầu của phòng Kinh doanh đảm bảo hiệu quả thiết bị máy móc, con người.
 - Quản lý và bố trí lao động, máy móc thiết bị. Kiểm soát quá trình sản xuất, kiểm tra đơn đốc việc chấp hành nội quy lao động, nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động, qui trình công nghệ...
 - Nghiên cứu, cải tiến công đoạn trong quy trình sản xuất. Tham gia nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, các dự án đầu tư theo yêu cầu của công ty.
 - Phối hợp với phòng Quản lý chất lượng trong việc xây dựng tiêu chuẩn tác nghiệp, tài liệu ISO liên quan đến quản lý sản xuất và cơ điện.
- ❖ **Phòng kỹ thuật và quản lý chất lượng:** có chức năng tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ được Ban giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành lĩnh vực chất lượng, kỹ thuật trong toàn Công ty
 - Chịu trách nhiệm về mọi công việc liên quan đến việc thiết lập, thực hiện và duy trì có hiệu quả hệ thống QLCL ISO 9001: 2000 trong toàn Công ty.
 - Chịu trách nhiệm về việc duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn, yêu cầu của khách hàng.
 - Kiểm tra, kiểm soát chất lượng bán sản phẩm và sản phẩm cuối cùng. Tiến hành phân tích, đề xuất, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.
 - Chuẩn bị kế hoạch, kiểm soát việc hiệu chuẩn, kiểm chuẩn các thiết bị đo lường và thử nghiệm bên ngoài và bên trong công ty.
 - Phối hợp với các phòng ban liên quan nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.
- ❖ **Văn phòng Nhà máy:** có chức năng quản lý công tác hành chính quản trị, văn thư lưu trữ, công tác bảo vệ trị an, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.
 - Tổng hợp về lao động, kết quả sản xuất, kết quả bán hàng... của các phòng, bộ phận tại nhà máy hàng ngày báo cáo lên Ban giám đốc và Giám đốc nhà máy.
 - Tiếp nhận các thông tin, công văn giấy tờ đến, đi và chuyển đến các bộ phận liên quan.
 - Lập kế hoạch, tiếp nhận, quản lý và cấp phát văn phòng phẩm, các thiết bị, dụng cụ hành chính của Nhà máy.
 - Phối hợp với Phòng Tổ chức - Tổng hợp trong việc quản lý, kiểm tra đơn đốc công tác bảo vệ trị an, phòng chống cháy nổ của nhà máy; công tác hậu cần, ăn uống của nhà máy; Trực tiếp điều hành Tổ bảo vệ và Tổ nhà bếp.
 - Quản lý phòng khách, phòng họp, hội trường, các công trình công cộng, chuẩn bị tiếp khách hội họp theo yêu cầu của Công ty và nhà máy.
- ❖ **Bộ phận Kho:** là nơi giao nhận, cất giữ, bảo quản, mọi vật tư, hàng hóa của Công ty. Bộ phận Kho có chức năng quản lý, theo dõi, xuất, nhập: vật tư, hàng hóa, thành phẩm, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế... phục vụ cho quá trình sản xuất của Công ty.
 - Có trách nhiệm xuất nhập vật tư, thành phẩm, nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế ...theo yêu cầu của các bộ phận, phòng ban trong Công ty.
 - Theo dõi trên sổ sách và hạch toán toàn bộ các phát sinh trong quá trình nhập xuất kho.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

- Quản lý quá trình bán hàng giao nhận hàng hoá, thành phẩm
- Theo dõi và tập hợp hồ sơ quá trình vận chuyển, giao nhận, hoàn tất thủ tục thanh toán vận chuyển
- Kiểm soát số lượng thành phẩm xuất ra khỏi kho.
- Thống kê, tổng hợp toàn bộ số liệu, hàng tuần, hàng tháng lập báo cáo lên Ban giám đốc, Giám đốc nhà máy và các phòng ban liên quan.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty đồng thời là cổ đông sáng lập

| Tên | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|---|---|------------------|------------|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 57 Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội | 4.000.000 | 40% |
| Tổng Công ty điện lực Miền Bắc | 20 Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 1.500.000 | 15% |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn Thông | 178 Triệu Việt Vương, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 1.000.000 | 10% |
| Tổng cộng | | 6.500.00 | 65% |

Nguồn: Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/3/2010 – VINACAP

Quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập: Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động (28/06/2007), cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Hạn chế chuyển nhượng với cổ đông sáng lập của Công ty đã hết hiệu lực vào ngày 28/06/2010 do đó các cổ đông sáng lập đã chuyển nhượng một số cổ phần cho các nhà đầu tư khác.

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông

| STT | Tên cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị (mệnh giá) | Tỷ lệ (%) | Số lượng cổ đông |
|-----|-----------------------|------------------|--------------------|-----------|------------------|
| 1 | Cổ đông sáng lập | 6.500.000 | 65.000.000.000 | 65% | 3 |
| 2 | Cổ đông phổ thông | 3.500.000 | 35.000.000.000 | 35% | 497 |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 6.500.000 | 65.000.000.000 | 65% | 3 |
| 2 | Cán bộ công nhân viên | 579.600 | 5.796.000.000 | 6% | 84 |
| 3 | Cổ đông bên ngoài | 2.920.400 | 29.204.000.000 | 29% | 413 |
| 1 | Cổ đông trong nước | 10.000.000 | 100.000.000.000 | 100% | 500 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | - | - | - | - |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 6.500.000 | 65.000.000.000 | 65% | 3 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 3.500.000 | 35.000.000.000 | 35% | 497 |

Nguồn: Danh sách cổ đông của VINACAP

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

- ❖ Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng không có công ty mẹ.
- ❖ Công ty có 3 công ty nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối là các cổ đông sáng lập (Bảng 1)
- ❖ Tại ngày 31/12/2009, công ty có 01 công ty liên kết
 - Tên Công ty: Công ty Đầu tư và Khai thác dịch vụ viễn thông Việt Nam
 - Tên nước ngoài: Vietnam Network Investment and Linkage Telecom Services Joint Stock Company
 - Tên viết tắt: VIETLINKS
 - Trụ sở chính: số 182, đường Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0103023955 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 04 năm 2008
 - Ngành nghề kinh doanh: đầu tư hạ tầng mạng viễn thông, thông tin cũng như cung cấp các giải pháp, sản phẩm và dịch vụ thông tin, truyền thông, đặc biệt là trong lĩnh vực hệ thống mạng truyền số liệu đa dịch vụ .
 - Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
 - Theo đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) sẽ góp 25% tương đương 7.500.000.000, đến thời điểm 31/12/2009, do tiến độ góp vốn chậm của các cổ đông nên số vốn Công ty đã góp chiếm 72% tổng vốn góp hiện tại trong Công ty Cổ phần Đầu tư và khai thác Dịch vụ Viễn Thông Việt Nam (BCTC 2009).

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm và dịch vụ chính:

Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) tiền thân là công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung là doanh nghiệp đầu tiên sản xuất cáp thông tin sợi đồng, chuyển giao công nghệ sản xuất cho nhiều đơn vị Việt nam cùng sản xuất. Là đơn vị hàng đầu hiện nay trong lĩnh vực sản xuất Cáp thông tin sợi đồng, Cáp thông tin sợi quang, Cáp mạng LAN, Dây cáp điện với tôn chỉ: "Sản xuất, cung cấp sản phẩm dịch vụ đạt chất lượng quốc tế, có vị trí hàng đầu về chất lượng tại Việt Nam và thoả mãn yêu cầu của khách hàng. Trên cơ sở đó, đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty và mang lại lợi ích hợp lý cho các cổ đông". Là Công ty duy nhất Việt nam sản xuất đa dạng hóa nhất các sản phẩm đầy đủ các chủng loại cáp phục vụ cho cả mạng lưới điện lực - viễn thông – Tin học.

Thừa hưởng các cơ sở vật chất, quy trình sản xuất **Cáp thông tin lõi đồng** và mô hình quản lý hiệu quả của Công ty liên doanh Vinadaesung. Từ tháng 1/2007 đến tháng 11/2007 công ty liên doanh Vinadaesung tiếp tục hoạt động và đạt mức doanh thu 365 tỷ đồng. Đến 11/2007, Công ty VINACAP đi vào hoạt động và Cáp thông tin lõi đồng vẫn là sản phẩm duy nhất của công ty nên tỷ trọng của sản phẩm này đạt 100% doanh thu của Công ty (khoảng 38 tỷ đồng). Đến năm 2008, Công ty đã đưa sản phẩm cáp quang ra thị trường, doanh thu của sản phẩm này mang lại vào khoảng 45 tỷ đồng chiếm 41% và tỷ trọng doanh thu của sản phẩm cáp thông tin sợi đồng giảm. Năm 2009, doanh thu của sản phẩm cáp quang tiếp tục tăng mạnh và cáp đồng tiếp tục giảm do nhu cầu về sản phẩm này trên thị trường giảm xuống.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)



Dây chuyền sản xuất cáp điện

Hình ảnh một số sản phẩm cáp thông tin lõi đồng tiêu biểu

Cáp tự treo có dầu



- Dung lượng từ 1 đôi đến 600 đôi.
- Đường kính dây dẫn 0,4mm; 0,5mm; 0,6mm
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp mạng Lan Dintek CAT.5E FTP

Cáp Tip

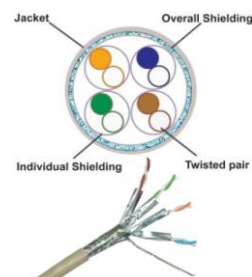
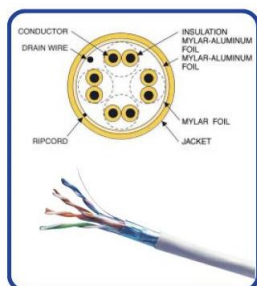


- Dung lượng đến 600 đôi
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp mạng Lan Dintek CAT.6 S-STP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)



Nhận biết được sự xu hướng của thị trường trong việc thay thế cáp thông tin lõi đồng bằng cáp quang, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất **Cáp quang** và chính thức vận hành từ đầu năm 2008. Hiện tại công suất dây chuyền cáp quang của Công ty đạt 110.000 km sợi/năm tương đương với 80 tỷ đồng doanh thu hoạt động 3 ca liên tục. Dòng sản phẩm này được sản xuất theo các đơn đặt hàng lớn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tổng công ty Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn FPT, Folcan với chất lượng tốt nhất trên thị trường hiện nay. Cùng với khối lượng đơn đặt hàng khá lớn và ổn định trong 5 năm tới, Công ty hiện đang tiếp tục đầu tư và nghiên cứu cải tiến dây chuyền các sản phẩm cáp quang phục vụ các yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng.



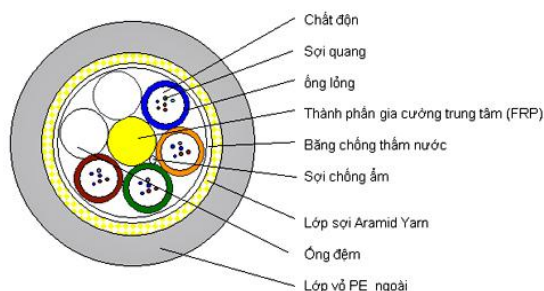
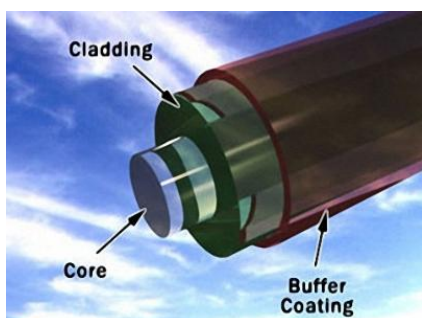
Dây chuyền sản xuất cáp quang

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Hình ảnh một số sản phẩm cáp quang

Cáp quang



Công ty đang vận hành dây chuyền sản xuất dây cáp điện Rosendahl của Áo, dây chuyền này sử dụng công nghệ Skin - Foam - Skin gồm 3 đầu lùn tạo thành 3 lớp vỏ bọc, đây là dây chuyền hiện đại nhất tại châu Á và tại Việt Nam hiện nay chỉ có Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) sở hữu dây chuyền này để sản xuất dây cáp mạng LAN CAT 5E.

Bên cạnh việc đưa sản phẩm cáp quang mới vào thị trường, Công ty tiếp tục mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất **Dây cáp điện hiện đại**, là một mặt hàng mới, có tính cạnh tranh cao, nhưng được thừa hưởng trình độ sản xuất và con người của Công ty Liên doanh Vinadeasung trước đây. Với định hướng là sản phẩm có chu kỳ sống dài sẽ thay thế dần việc sản xuất cáp viễn thông khi thị trường thay đổi. Hiện nay Công ty đã tập trung xây dựng thương hiệu **Dây cáp và Thiết bị điện VINACAP**, đồng thời thiết lập được hệ thống kênh phân phối Dây cáp và thiết bị điện rộng khắp bao gồm các tỉnh phía Bắc đến Bình Định. Hệ thống phân phối của Công ty có nguồn nhân lực gồm các giám sát bán hàng, đại diện thương mại ở khắp các tỉnh có năng lực phát triển thị trường tốt.



Khách hàng thường xuyên là các nhà phân phối, đại lý tại các tỉnh. Ngoài ra còn các Tổng công ty xây dựng lớn sử dụng dây và cáp điện của VinaCap như HUD, VINACONEX, SÔNG ĐÀ. Tại Việt Nam, Công ty đang phấn đấu để trở thành 1 trong 3 thương hiệu nổi tiếng nhất về dây điện (Trần phú, Cadivi, Vinacap). Vì đây là sản phẩm trọng điểm của Công ty nên năm 2010 Vinacap tiếp tục đầu tư thêm 1 dây chuyền để làm loại cáp nhỏ hạ thế, dây chuyền đi vào sản xuất từ tháng 8/2010, và sẽ đầu tư mở rộng mạnh cho các năm tiếp theo.

Thêm vào đó, Công ty luôn không ngừng tìm kiếm, phát triển các dòng sản phẩm mới và mở rộng các thị trường mới. Hiện nay Công ty đang có dự án nghiên cứu dây chuyền sản xuất **Thuê bao quang**: các loại các quang (2 hoặc 4 sợi) dùng để đưa về các hộ gia đình, khu căn hộ thay cho các loại dây cáp Lan hiện thời.

Thiết bị công nghệ thông tin: Công ty hiện đã và đang đầu tư nghiên cứu phát triển các **thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin**, ứng dụng để tích hợp dịch vụ di động 2G và 3G như máy điện thoại di động 2 simcard thương hiệu AVIO, máy tính Laptop 3G và tham gia phân phối máy tính HP có sử dụng

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

công nghệ 3G. Công ty đang trở thành một nhà sản xuất và phân phối các thiết bị đầu cuối viễn thông tích hợp dịch vụ của tập đoàn VNPT, đây là một thị trường triển vọng và có sự quan tâm hỗ trợ của VNPT cùng các đơn vị thành viên trong tập đoàn như Vinaphone.

Vật tư, phụ kiện cho mạng lưới (Simcard, phụ kiện, nguồn, Modern...) đây là hoạt động mua bán thường xuyên đáp ứng nhu cầu duy trì ổn định mạng lưới của tập đoàn VNPT và các nhà khai thác viễn thông khác. Công ty đã có quan hệ với những đối tác cung cấp uy tín, chất lượng. Đây là hướng đi được Tập đoàn chỉ đạo để đầu ra của doanh nghiệp này là đầu vào của doanh nghiệp khác trong Tập đoàn. Do vậy, hoạt động sẽ được mở rộng và ổn định. Khách hàng chính là VDC, Vinaphone, Viễn thông tỉnh, FPT Telecom, Viettel. Đây là lĩnh vực mang lại doanh thu lớn cho Công ty trong năm 2009, và đang tăng mạnh.

Các sản phẩm thiết bị công nghệ thông tin tiêu biểu

Máy tính



HP 3G Pavilion dm3

Điện thoại



AVIO - Model: A201- KM

Điện thoại 2 Simcard, 2 sóng và có hỗ trợ 3G

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu theo hoạt động trong năm 2008, 2009

| TT | Tên sản phẩm | 2008 | | 2009 | | 5 tháng đầu năm 2010 | |
|-------------------|--|----------------|-----|----------------|-----|----------------------|-----|
| | | Giá trị | % | Giá trị | % | Giá trị | % |
| Sản xuất | | | | | | | |
| 1 | Cáp quang, phụ kiện | 28.203 | 26% | 75.898 | 32% | 40.600 | 21% |
| 2 | Dây điện dân dụng và cáp điện | 9.085 | 9% | 42.552 | 18% | 27.000 | 14% |
| 3 | Dây cáp viễn thông sợi đồng | 44.307 | 41% | 26.415 | 11% | 3.500 | 2% |
| Thương mại | | | | | | | |
| 1 | Vật tư, hàng hóa thiết bị viễn thông | 25.287 | 24% | 89.832 | 38% | 94.300 | 48% |
| 2 | OEM, ODM thiết bị đầu cuối IT theo thương hiệu riêng của VINACAP | - | - | 2.364 | 1% | 32.262 | 16% |
| | | 106.882 | | 237.061 | | 197.662 | |

Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh theo loại sản phẩm – VINACAP

6.2 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất các sản phẩm Công ty đều được kiểm nghiệm trước khi đưa vào sản xuất và tuân theo các yêu cầu của quy trình kiểm tra chất lượng ISO 2001.

cho sản xuất Cáp các loại hựa bọc cáp, sợi quang, dầu nhồi, rập, phiến, nhựa composite được nhập khẩu trực tiếp từ những nhà cung cấp có danh tiếng ở nước ngoài, đồng thời cũng nhập thông qua các đại lý của họ ở trong nước.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Nguyên liệu trong nước chủ yếu là nguyên liệu phụ.

Bảng 5.

| TT | Nguyên vật liệu | Tên nhà cung cấp | Xuất xứ |
|----|---------------------------|--|----------------------|
| 1 | Nhựa bọc vỏ | Công ty liên doanh Borouge | Ả Rập |
| 2 | Nhựa PVC | Công ty TNHH 3H VINACOM | Việt Nam |
| 3 | Sợi quang | Fujikura Asia Limited; Corning Asia | Nhật Bản, Mỹ |
| 4 | Thiết bị, vật tư | Gemalto Pte Ltd; HP Việt nam; ZTE | Singapore |
| 5 | Dây đồng mềm | Công ty TNHH 1 thành viên cơ điện Trần Phú | Việt Nam |
| 6 | Dây đồng mềm | Công ty Dây đồng Việt Nam (CFT) | Việt Nam |
| 7 | Dây đồng mềm | Công ty Cổ phần Cáp Trường Phú | Việt Nam |
| 8 | Phụ kiện cáp quang | Công ty TNHH MTV Hưng Nguyên (nhập khẩu) | Hàn Quốc, Trung Quốc |
| 9 | Vật tư sản xuất cáp quang | Công ty TNHH 1 thành viên Cáp quang (FOCAL), nhập khẩu sợi corning | Mỹ |
| 10 | Vật tư sản xuất cáp quang | Công ty TNHH NTECH-I , nhập khẩu | Hàn Quốc |

Nguồn: VINACAP

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của sự ổn định nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất. Nguồn cung cấp nguyên liệu hiện nay của Công ty khá có chất lượng đảm bảo do Công ty chỉ lựa chọn và ký hợp đồng với một số nhà cung cấp có tên tuổi và uy tín nhất trên thị trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng thứ cấp nhằm đảm bảo khả năng thay thế khi có biến động xấu của nguồn cung cấp truyền thống.

Chi phí nguyên vật liệu của ngành sản xuất cáp điện và cáp viễn thông m. Do đó, giá c t liệu chính biến động sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu, cũng như lợi nhuận của Công ty.

Nguyên liệu chính phục vụ cho hoạt động sản xuất cáp điện và cáp viễn thông sợi đồng của Công ty là đồng thành phẩm có giá tương đối biến động và phụ thuộc vào sự ổn định chính trị của các quốc gia khai thác đồng như Chilê, Indonesia, Mongolia....cũng như nhu cầu nhập khẩu đồng của Trung Quốc, quốc gia có tiêu thụ đồng lớn nhất thế giới. Để giảm chi phí nguyên vật liệu chính trong giá thành sản phẩm, giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá, Công ty luôn có kế hoạch nhập và lưu trữ một lượng nguyên vật liệu hợp lý dựa trên thực hiện doanh thu năm trước kết hợp dự kiến sản xuất năm báo cáo theo các đơn đặt hàng lớn của khách hàng.

Đối với vật tư sản xuất cáp quang, Công ty cũng lựa chọn và duy trì đơn đặt hàng với ba nhà cung cấp có uy tín nhất trên thị trường nhằm đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu, tiết kiệm định mức tiêu hao trong quá trình sản xuất.

6.3 Chi phí sản xuất

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng hoạt động trong từng tháng. Đặc biệt chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cấu thành lên sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ, các hợp đồng mua bán đều được đàm phán theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đảm bảo các yêu cầu về cạnh tranh, tiết kiệm và chất lượng nhiên liệu. Bên cạnh đó, chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty. Các chi phí khác bao gồm vật liệu quản lý,

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

khấu hao tài sản, các dịch vụ mua ngoài... chiếm tỷ lệ không lớn trong tổng chi phí.

Bảng 6. Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

| Chi phí | 2008 | | 2009 | | 5 tháng-2010 | |
|------------------------------|---------|------------|---------|------------|--------------|------------|
| | Giá trị | % DT thuần | Giá trị | % DT thuần | Giá trị | % DT thuần |
| Giá vốn hàng bán | 90.694 | 85% | 202.370 | 86% | 175.107 | 89% |
| Chi phí tài chính | 1.742 | 2% | 7.032 | 3% | 7.304 | 4% |
| Chi phí bán hàng | 4.118 | 4% | 8.337 | 4% | 5.149 | 3% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 4.101 | 4% | 6.142 | 3% | 3.023 | 2% |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo tài chính 4 tháng đầu năm 2010 - VINACAP

6.4 Trình độ công nghệ

Đầu tư vào hệ thống dây chuyền sản xuất và máy móc thiết bị tiên tiến luôn được Công ty ưu tiên hàng đầu để đảm bảo chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường. Đối với nhóm sản phẩm dây cáp điện, Công ty đã đầu tư mua dây chuyền công nghệ sản xuất Dây cáp điện Henrich, Samsytemi của Đức và Ý, dây chuyền này sử dụng công nghệ kéo nhiều sợi, bọc hai lớp vỏ, đây là dây chuyền hiện đại nhất tại Việt Nam hiện nay.

Cùng với định hướng thu hẹp dòng sản phẩm cáp thông tin sợi đồng, Công ty chuyển sang đầu tư vào dòng sản phẩm cáp viễn thông sợi quang. Trong năm 2008, Công ty đã đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất Cáp quang hiện đại cho phép: kiểm tra luôn được chất lượng của sản phẩm trong quá trình sản xuất, giúp kiểm soát tốt hơn và sản xuất nhanh hơn. Công ty không ngừng tìm kiếm, phát triển các dòng sản phẩm mới phát triển sản xuất Dây Thuê bao quang: 2 hoặc 4 sợi dùng để đưa về các hộ gia đình, khu căn hộ thay cho các loại dây cáp LAN hiện thời.

Hiện nay, Công ty hiện đã và đang tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển các thiết bị công nghệ thông tin, ứng dụng 3G như máy tính có sử dụng công nghệ 3G và điện thoại Avio 2 simcard 2 sóng.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hiện nay Công ty đang duy trì bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm trong Phòng Quản lý chất lượng. Chức năng chính của bộ phận này là nghiên cứu các sản phẩm đặc thù theo các đơn đặt hàng của các nhà thầu lớn, tiến hành sản xuất thử nghiệm và cải tiến dây chuyền sản xuất nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật phức tạp mà khách hàng đặt ra. Trong thời gian tới, Công ty có định hướng thành lập phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm độc lập riêng nhằm phục vụ cho kế hoạch nâng cao chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng và tự tìm kiếm các sản phẩm mới và ứng dụng mới.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm chính

Công ty đang áp dụng quy trình quản lý chất lượng ISO 2001 phiên bản 2008. Hiện tại, Công ty đã xây dựng và áp dụng quy trình kiểm tra từng loại sản phẩm cáp thông tin lõi đồng, cáp quang và dây điện.

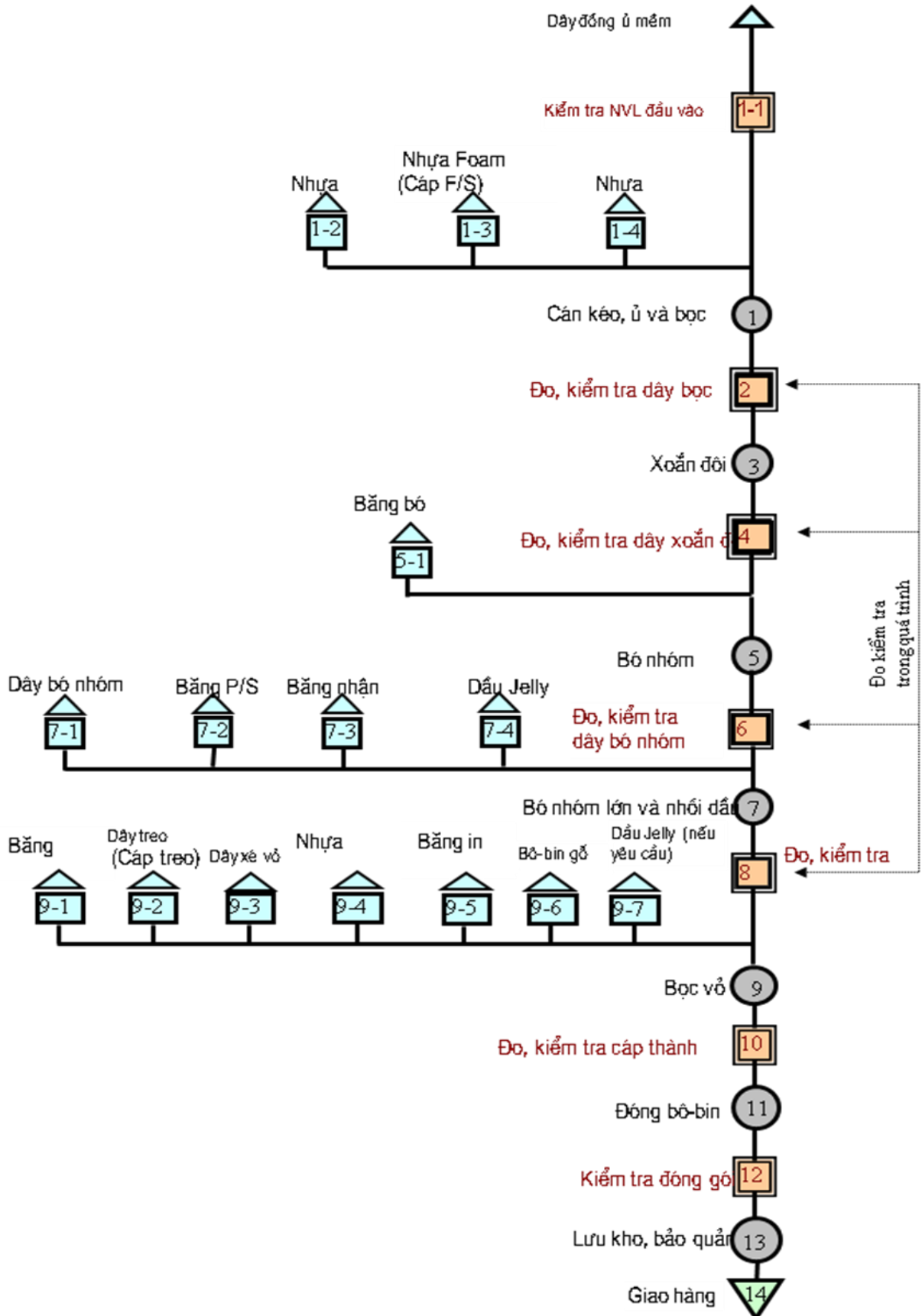
Quy trình kiểm tra chất lượng được thực hiện bởi Phòng Quản lý chất lượng gồm 8 nhân viên làm việc 3 ca liên tục nhằm đảm bảo chất lượng các vật tư trước khi đưa vào sản xuất, chất lượng bán thành phẩm trong dây chuyền sản xuất và chất lượng thành phẩm cuối cùng trước khi đưa ra thị trường.

Dưới đây là một số quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm cáp điện lõi đồng hiện đang áp dụng:



6.7 Hoạt động marketing

Công ty có kế hoạch khuếch trương hình ảnh Công ty một cách đồng bộ và mạnh mẽ thông qua truyền hình, quảng cáo trên các tạp chí có uy tín, tài trợ các chương trình thể thao văn hoá ... với phương châm: Hiệu quả - thiết thực, tạo được ấn tượng tốt đối với khách hàng.

Tập trung xây dựng thương hiệu “VINACAP” thành thương hiệu uy tín cho sản phẩm dây cáp - thiết bị điện các loại.

Tổ chức xây dựng kênh phân phối rộng có hệ thống Nhà phân phối - Đại lý cấp 1, điểm bán lẻ lớn tại các tỉnh nhằm tăng cường độ bao phủ, sự hiện diện của Công ty trên thị trường.

Thực hiện phát triển mạnh kênh bán hàng cho các dự án xây dựng lớn: Tách riêng mảng dự án thành một bộ phận kinh doanh độc lập chuyên phục vụ cho việc đấu thầu, tìm kiếm và phát triển các đối tác lớn như các Tổng công ty xây dựng, chủ đầu tư các khu đô thị, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, các công ty thiết kế....

Công ty đã thành lập bộ phận thương hiệu chuyên nghiệp. Thời gian trước đây, bộ phận này nằm trong phòng Vật tư – Thương mại bao gồm 02 nhân viên có trình độ đại học chuyên sâu.

Công ty đã có bộ tiêu chuẩn nhận diện tương đối chuyên nghiệp do công ty tư vấn thương hiệu Sacctchi and Sacctchi thực hiện, thời gian vừa qua công ty đã có nhận diện tốt trên thị trường thông qua hệ thống biển bảng của Đại lý, một số chương trình truyền hình để giới thiệu sản phẩm như “Lựa và Chọn”. Các bài PR trên thời báo kinh tế Việt Nam, trên trang Web sohoa.net... Các chương trình này đã giúp quảng bá hình ảnh của công ty trên thị trường.

6.8 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Coi trọng vai trò của thương hiệu trong cạnh tranh thị trường và xây dựng giá trị doanh nghiệp lâu dài, ngay từ khi thành lập công ty đã thuê tư vấn nước ngoài Hãng Saatchi and Saatchi giúp xây dựng chiến lược thương hiệu, hệ thống hoá toàn bộ nhận diện hình ảnh và phương án triển khai xây dựng thương hiệu lâu dài.

Với nỗ lực không ngừng Vinacap ngày càng khẳng định thương hiệu của mình, do vậy để bảo vệ thương hiệu và đảm bảo hoạt động trong tương lai, Công ty đã đăng ký nhãn hiệu thương mại bản quyền tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ theo biên bản đăng ký năm 2006 với mẫu thương hiệu đăng ký là **HUD-TASCO**.

Logo của Công ty

Biểu tượng tiêu chuẩn



Ý nghĩa:

❖ Logo công ty hình con tê giác màu nâu trên nền vàng: con tê giác là con vật to lớn, mạnh khỏe nhưng lại rất nhanh nhẹn. Màu nâu thể hiện màu đất chính là cái gốc của sự sinh sôi phát triển, màu vàng là màu của thịnh vượng.

Khẩu hiệu: “Dây chắc mạch bền”

Dựa trên câu tục ngữ “Ăn chắc mặc bền”. Ý nghĩa: Vừa nói lên đặc thù sản phẩm dây và cáp của công ty, vừa nêu bật được chất lượng sản phẩm của Công ty. Trong tương lai, đối với mỗi dòng sản phẩm công ty sẽ có sẽ có khẩu hiệu riêng phù hợp với sản phẩm.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Đăng ký nhãn hiệu thương mại

Hiện tại các dòng sản phẩm 3G là điện thoại Avio đã được đăng ký nhãn hiệu thương mại tại Cục Sở hữu trí tuệ số hiệu 4201004501 ngày 10 tháng 3 năm 2010.

6.9 Các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm

Bảng 7. Một số khách hàng có hợp đồng lớn đang thực hiện với VINACAP năm 2010

Đơn vị: triệu đồng/USD

| Số HĐ | Trị giá | Đối tác | Thời gian thực hiện | Sản phẩm |
|---|----------------------------------|--|----------------------------------|---------------------|
| 002A2009/FOCAL-VINACAP | 60.000 | Tổng công ty Viễn thông Quân đội | Từ tháng 3 đến tháng 9 năm 2010 | Cáp Quang |
| 045/2010/VNP-VINACAP/ 066/2010/VNP-VINACAP | 158.760 | Tập đoàn bưu chính Viễn thông/ Công ty Dịch vụ Viễn thông và mạng điện thoại Vinaphone | Từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2010 | Thiết bị đầu cuối |
| 01/VINACAP - ASB | 3.79 triệu USD | ACATEL | Từ tháng 6 đến 8/2010 | Thiết bị truyền dẫn |
| Tổng cộng | 218.760 và 3.79 triệu USD | | | |

Nguồn: VINACAP

Bảng 8. Một số hợp đồng đầu vào lớn đang thực hiện năm 2010

| Số HĐ | Đối tác | Thời gian thực hiện | Sản phẩm |
|--------------------------|--|---|--|
| 01/VINACAP-NEWTECHS/2009 | Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Công nghệ mới | Từ tháng 11 năm 2009 đến tháng 2 năm 2010 | Cung cấp phần mềm GPRS cài đặt Simcard |
| Hợp đồng từng lần | Công ty TNHH Một thành viên Cáp quang Focal | Năm 2010 | Vật tư cáp quang |
| Hợp đồng từng lần | Công ty Cổ phần Công thương Đông Phương | Năm 2010 | Cung cấp dây đồng |
| Hợp đồng từng lần | Công ty liên doanh cáp điện LS Vina | Năm 2010 | Cung cấp cáp điện – thương mại |
| 01/2008BCC/Vinacap | Công ty Cổ phần Trường Phú | Năm 2010 | Dây chuyên sản xuất cáp quang |
| Hợp đồng từng lần | Công ty liên doanh Borouge | Năm 2010 | Cung cấp nhựa bọc cáp quang |

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2008 - 2009

7.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2008 – 2009

Bảng 9. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2008 | | Năm 2009 | | 5 tháng đầu năm 2010 |
|----------|----------|---------|----------------------------|---------|----------------------|
| | Giá trị | Giá trị | % tăng, (giảm) so với 2008 | Giá trị | Giá trị |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

| | | | | |
|-----------------------------------|---------|---------|------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 174.371 | 294.958 | 69% | 322.333 |
| Vốn chủ sở hữu | 94.740 | 111.702 | 18% | 118.517 |
| Doanh thu thuần | 106.875 | 235.207 | 120% | 197.658 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 7.254 | 11.475 | 58% | 7.226 |
| Lợi nhuận khác | 301 | 1.743 | 479% | 145 |
| Lợi nhuận trước thuế | 7.555 | 13.218 | 75% | 7.371 |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.248 | 9.884 | 88% | 7.371 |
| Tỷ lệ cổ tức / Lợi nhuận sau thuế | 68% | 77% | | Chưa có số liệu |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo tài chính 5 tháng đầu năm 2010 – VINACAP

7.2 Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Các nhân tố thuận lợi

- Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 gây ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, năm 2009 Việt Nam đã đón nhận nhiều tín hiệu khả quan của một nền kinh tế hiện đang ở đáy khủng hoảng và bắt đầu phục hồi. Các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ đã bước đầu có hiệu quả và đem lại những cơ hội mới cho các doanh nghiệp Việt Nam.

- Nhu cầu thị trường đối với cáp sợi quang và vật liệu viễn thông ngày càng tăng với khối lượng lớn từ năm 2006 trở lại đây là một cơ hội lớn cho Công ty khi chuyển hướng đầu tư sang sản xuất cáp quang đồng thời vẫn duy trì sản xuất cáp đồng là một sản phẩm truyền thống của doanh nghiệp. Chứng minh cho điều này, Liên minh Viễn thông quốc tế đã đánh giá Việt Nam là nước có tốc độ tăng trưởng viễn thông ở mức cao nhất với mật độ điện thoại trung bình đạt 67 máy/100 dân, tổng thuê bao toàn mạng là 58 triệu và gần 20 triệu người sử dụng Internet. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010 theo Quyết định số 32/2006/QĐ-TTg ngày 07/02/2006 với những mục tiêu như sau:

| STT | Tên dự án | Vốn đầu tư (tỷ đồng) | Tiến độ |
|-----|---|----------------------|-------------|
| 1. | Phát triển mạng viễn thông thế hệ sau (NGN) | 15.000 | 2006 - 2010 |
| 2. | Mở rộng mạng nội hạt (tổng đài, truyền dẫn, cáp...) | 30.000 | 2006 - 2010 |
| 3. | Nâng cấp mở rộng và xây dựng mới mạng truyền dẫn quang và cáp biển trong nước | 5.000 | 2006 - 2010 |
| 4. | Phổ cập điện thoại nông thôn | 10.000 | 2006 - 2010 |
| 5. | Phổ cập Internet nông thôn | 2.000 | 2006 - 2010 |
| 6. | Phát triển mạng điện thoại di động | 30.000 | 2006 - 2010 |
| 7. | Phóng vệ tinh viễn thông | 3.500 | 2007 |
| 8. | Các dự án cáp quang biển quốc tế | 5.000 | 2006 - 2008 |
| | Tổng số: | 100.500 | |

- Nhu cầu đối với sản phẩm Dây cáp và thiết bị điện dân dụng phát triển rất mạnh do yêu cầu của quá trình đô thị hoá. Chính phủ đã dự báo nhu cầu điện nước ta tăng ở mức 17% năm (phương án cơ sở), 20% năm (phương án cao) trong giai đoạn 2006 - 2015, trong đó xác định phương án cao là phương án điều hành, chuẩn bị phương án 22% năm (Nguồn: Phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 ban hành kèm theo Quyết định 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/07/2007).

- Sự kiện cấp phép dịch vụ 3G với cam kết đầu tư hàng tỷ đô la để xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc cung cấp dịch vụ 3G của 04 nhà khai thác viễn thông (Vinaphone, Mobifone, Viettel, EVN+HT Mobile) chính là cơ hội để Công ty tham gia vào các dự án, gói thầu của các nhà cung cấp dịch vụ trên. Công ty đã xác định phương hướng phát triển kinh doanh các thiết bị, sản phẩm, mặt hàng và các dịch vụ phục vụ cho phát triển mạng 3G VÀ 4G trong những năm tới.
- Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam và các công ty thành viên của Tập đoàn trong các mặt hoạt động.

❖ Các nhân tố bất lợi

- Việt Nam gia nhập WTO sẽ tạo nên cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm nhập ngoại cùng loại, các doanh nghiệp nước ngoài đang tập trung đầu tư ồ ạt vào Việt Nam trong lĩnh vực dây và cáp điện
- Giá cả của nguyên vật liệu chính cho sản xuất dây và cáp điện tiếp tục biến động khó lường.
- Chi phí tài chính tăng cao do lãi suất ngân hàng tăng, chi phí vận tải tăng cùng giá xăng dầu, tỷ giá hối đoái biến động bất thường dẫn đến tăng chi phí sản xuất, giảm khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty

Thời kỳ liên doanh Vinadaesung Công ty đã là một đơn vị điển hình về hiệu quả hợp tác nước ngoài trong toàn ngành Bưu chính viễn thông, sự ra đời của Vinadaesung có đã là tiền đề hình thành nên cả một ngành sản xuất cáp viễn thông tại Việt nam, đóng góp to lớn cho giai đoạn “Tăng tốc” của ngành Bưu Chính Viễn Thông thời gian qua. Nay, sự phát triển của Công ty VINACAP đã thể hiện rõ một chiến lược mới: Đa dạng hoá sản phẩm, thoát ly khỏi việc phụ thuộc duy nhất vào sản phẩm cáp viễn thông. Điều đó đã chứng minh sự linh hoạt của Ban lãnh đạo công ty khi nhanh chóng chuyển hướng sản xuất, kinh doanh nhằm theo kịp xu hướng và nhu cầu ngày càng tăng của cơ sở hạ tầng mạng viễn thông cũng như điện dân dụng. Toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã rất nỗ lực trong việc tuân thủ chặt chẽ các quy trình sản xuất và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, không ngừng cải thiện nâng cao năng suất lao động đáp ứng số lượng hợp đồng ngày càng nhiều với giá trị hợp đồng ngày càng lớn.

Lịch sử phát triển của Công ty gắn liền với sự phát triển của Công ty liên doanh Vinadaesung. Thành lập năm 1992 bởi Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) và Deasung – Korea, Liên doanh Vinadaesung đã khẳng định vị thế dẫn đầu của mình trong lĩnh vực sản xuất Cáp thông tin. Với hệ thống quản lý chặt chẽ, hiệu quả và hiện đại theo mô hình tiên tiến của Hãng Deasung và Nexans, cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên có tay nghề cao, Công ty được đánh giá là đơn vị đạt được hiệu quả kinh doanh tốt nhất trong số các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp của Tập đoàn VNPT, và nằm trong Top 5 đơn vị kinh doanh tốt nhất trên toàn cầu của Tập đoàn Nexans. Công ty liên tục nhận được bằng khen của Tập đoàn VNPT, Bộ Bưu chính Viễn thông và Chính phủ, Huy chương lao động hạng ba năm 2003, và vinh dự được đón các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tới thăm như Tổng bí thư Đỗ Mười, Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

Phát huy những lợi thế có sẵn từ công ty tiền thân, Công ty VINACAP kể từ khi thành lập (tháng 6/2007) tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu của mình trên lĩnh vực cáp quang và điện dân dụng. Mặc dù gặp không ít khó khăn trong việc cạnh tranh với các đơn vị trong và ngoài nước, nhưng với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhân viên Công ty và chiến lược kinh doanh rõ ràng, Ban lãnh đạo công ty luôn định hướng đúng đắn về chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng, ngày càng khẳng định thương hiệu “VINACAP” trên thị trường.

Với ưu thế về trang thiết bị hiện đại cùng với đội ngũ nhân viên lành nghề, Công ty luôn là một trong các nhà sản xuất dẫn đầu thị trường cáp quang, cáp đồng, dây điện về chất lượng sản phẩm, công nghệ, uy tín bên cạnh những tên tuổi như Sacom, Focal, Trần Phú, Cadivi. Trong 3 năm 2007, 2008,

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

2009 Công ty liên tục được Bộ Thông tin Truyền thông trao tặng cờ thi đua xuất sắc, giải thưởng 100 Thương hiệu mạnh 2009 do Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn. Cùng với việc nghiên cứu ứng dụng những quy trình quản lý chất lượng mới để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, Công ty đang ngày càng là sự lựa chọn tốt nhất đối với các sản phẩm cáp quang và điện dân dụng trong các công trình viễn thông và xây dựng trong hiện tại cũng như trong tương lai.

Với chủ trương táo bạo: Tổ chức nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thiết bị đầu cuối mang thương hiệu Việt phục vụ cho ngành viễn thông, hạn chế tối đa sự xâm chiếm của các sản phẩm nước ngoài, Công ty là đơn vị đầu tiên của Tập đoàn VNPT tiến hành nghiên cứu, sản xuất và tham gia thị trường phân phối đầy triển vọng này. Ngày 1/6/2010 sau hơn 1 năm nghiên cứu triển khai, Công ty chính thức tung ra thị trường sản phẩm điện thoại AVIO 2 sim 2 sóng kèm theo gói cước di động Alo của Vinaphone. Sản phẩm tạo ra sự thu hút, đón nhận tích cực của người tiêu dùng, sản lượng bán hàng tăng nhanh. Đây sẽ là hướng đi chủ lực của Công ty trong việc trở thành nhà sản xuất uy tín, nhà tích hợp sản phẩm và nhà phân phối sản phẩm đầu cuối với thương hiệu Việt thành công trên thị trường Việt nam.

Vị thế của công ty sẽ tăng lên một bước nữa khi trong tháng 7/2010, Công ty sẽ đưa ra thị trường các sản phẩm điện dân dụng: Bóng compact tiết kiệm điện, ổ cắm, máng điện, vật liệu...hoàn thiện các dòng sản phẩm đáp ứng nhu cầu phân phối của hệ thống đại lý, tiết giảm chi phí quản lý.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong mấy năm gần đây khá cao và ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm từ 2002 đến 2007:

| 2002 | 2003 | 2004 | 2005 | 2006 | 2007 |
|------|-------|------|------|-------|-------|
| 7.1% | 7.23% | 7.7% | 8.4% | 8.17% | 8.48% |

Năm 2008 và 2009 mặc dù vẫn phải chịu ảnh hưởng từ cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng tăng trưởng GDP vẫn đạt ở mức tương đối cao là 6,23% cho năm 2008 và 5,32% cho năm 2009. Trong những năm tới khi ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng đã qua đi, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được dự đoán là sẽ tăng hồi phục mạnh mẽ. Mối quan hệ thuận chiều giữa nền kinh tế với ngành cáp và vật liệu mạng sẽ tạo nên một bức tranh sáng sủa về triển vọng phát triển ngành cáp và vật liệu mạng trong tương lai.

Bên cạnh đó, trong vòng 20 năm tới, Việt nam với mục tiêu trở thành một nước công nghiệp, đầu tư phát triển hạ tầng Viễn thông công nghệ thông tin, hạ tầng điện là ưu tiên số 1. Các sản phẩm hiện nay của Công ty đang đi đúng hướng phát triển này. Đất nước càng phát triển thì nhu cầu mở rộng hệ thống viễn thông và các thiết bị sử dụng điện nhằm phục vụ hoạt động các ngành, các thành phần kinh tế ngày càng tăng. Chính vì thế sự phát triển ngành cáp và vật liệu mạng trong những năm tới là khá triển vọng.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong thời kỳ hội nhập và phát triển của nền kinh tế thị trường kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề, do vậy mỗi doanh nghiệp có những bước chuẩn bị thích nghi với sự vận động và biến đổi không ngừng của nền kinh tế thị trường. Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty có những kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

Xây dựng văn hóa công ty trên các trụ cột “Chất lượng – Sáng tạo – Táo bạo”, tuyên truyền quán triệt tới từng lao động để từng bước xây dựng thương hiệu cho công ty, đưa Công ty trở thành mái nhà lớn tập hợp người con người tâm huyết và tài năng.

Chiến lược của Công ty là “Phát triển bền vững” với các lĩnh vực chính:

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

- Sản xuất cáp các loại và thiết bị điện dân dụng: Hai nhóm sản phẩm chính là nhóm ngành Cáp viễn thông – Dây cáp điện với các sản phẩm Cáp quang, Dây cáp điện và thiết bị dân dụng,
- Nhóm ngành sản phẩm thiết bị đầu cuối viễn thông như máy tính laptop, máy điện thoại. Công ty hướng tới trở thành nhà nghiên cứu, sản xuất và phân phối có uy tín trên thị trường. Thương hiệu điện thoại AVIO có sức cạnh tranh với các thương hiệu điện thoại khác tại Việt nam.
- Phát triển dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ kỹ thuật cho mạng viễn thông, đây là hoạt động nhiều triển vọng song Công ty sẽ phát triển hoạt động này qua công ty liên kết (Vietlinks) và hưởng lợi từ kết quả đó. Tạo liên kết và dần phát triển theo mô hình công ty mẹ công ty con.

Thực hiện kinh doanh thương mại với các mặt hàng chủ đạo gồm tổ chức kênh phân phối về thiết bị viễn thông, phụ kiện phục vụ trong và ngoài Tập đoàn, và hoạt động thương mại mua, bán vật tư sản xuất cáp phục vụ các dự án, công trình xây dựng.

Về chính sách chất lượng, với tôn chỉ “Sản xuất, cung cấp sản phẩm dịch vụ đạt chất lượng cao, có vị trí hàng đầu về chất lượng tại Việt nam và thoả mãn yêu cầu của khách hàng. Trên cơ sở đó, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và mang lại lợi ích hợp lý cho các Cổ đông”, Công ty cam kết thực luôn thực hiện đúng các quy trình quản lý và sản xuất, không ngừng nghiên cứu áp dụng các giải pháp cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm thiểu hư hỏng, thất thoát.

Với khách hàng, Công ty luôn duy trì tinh thần làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, xây dựng quan hệ lâu dài, gần gũi với mọi khách hàng và bạn hàng; bám sát thị trường để kịp thời đề xuất cải tiến và điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ cho phù hợp.

Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Luôn chăm lo đời sống vật chất tinh thần người lao động, tạo cơ hội cho cán bộ công nhân viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và xu hướng phát triển của công ty.

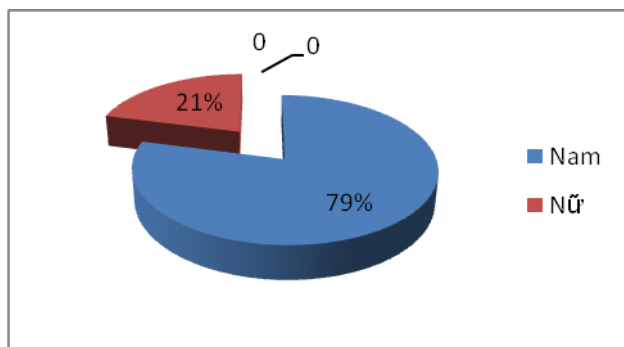
Tất cả để hướng tới khách hàng: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

Định hướng phát triển của công ty nêu trên được đánh giá là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành và nền kinh tế hiện nay và đặc biệt hướng mạnh vào ngành hạ tầng Viễn thông – Điện lực.

9. Chính sách đối với người lao động

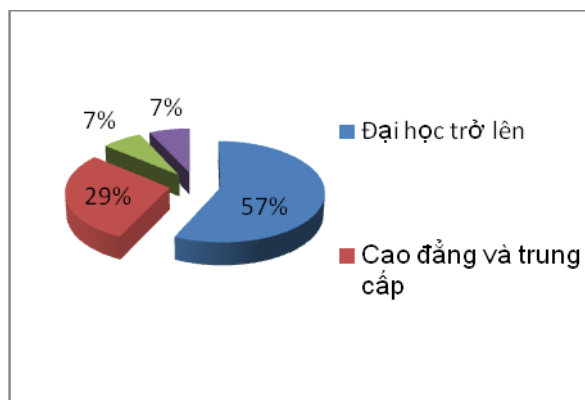
Bảng 10. Cơ cấu lao động theo giới

| Cơ cấu theo giới | | |
|------------------|------------------|-------------|
| Giới | Số lượng (người) | Tỷ lệ |
| Nam | 110 | 79% |
| Nữ | 30 | 21% |
| Tổng | 140 | 100% |



Bảng 11. Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn

| Cơ cấu theo trình độ học vấn | | |
|------------------------------|------------|-------------|
| Trình độ | Số lượng | Tỷ lệ |
| Đại học và trên đại học | 80 | 57 |
| Cao đẳng và trung cấp | 40 | 29 |
| Lao động có tay nghề | 10 | 7 |
| Lao động phổ thông | 10 | 7 |
| Tổng | 140 | 100% |



Nguồn: VINACAP

Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

Chế độ làm việc

❖ Thời gian làm việc:

Tại Văn phòng: 5 ngày 1 tuần, sáng từ 8h đến 12h, chiều từ 13h đến 17h

Tại Xưởng Sản xuất: do cần phải sản xuất liên tục nên chia làm 3 ca: ca 1 từ 7h đến 15h, ca 2 từ 15h đến 22h, ca 3 từ 22 đến 7h sáng. Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

❖ Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của nhà nước.

❖ Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

❖ Công ty có chính sách đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.

❖ Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ công nhân viên trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.

❖ Hướng tới tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật.

❖ Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

❖ Trung bình mỗi năm Công ty tuyển dụng khoảng 20 nhân viên, riêng năm ngoái Công ty đã

tuyển thêm 40 nhân viên

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người cho hiệu quả chung của Công ty theo Quy chế cụ thể được công bố tới từng CBCNV.

Căn cứ vào doanh thu, năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm như: thưởng đối với các cá nhân hoặc phòng ban có thành tích xuất sắc...

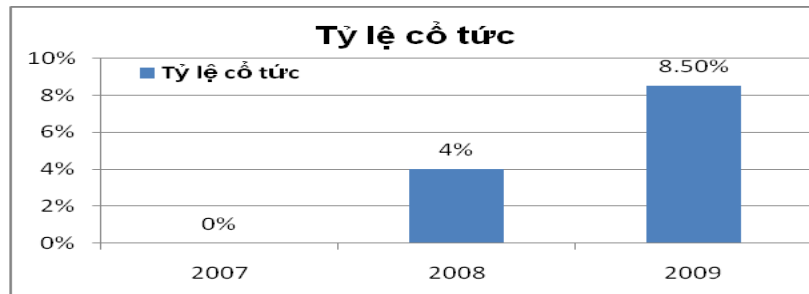
Ngoài ra hàng năm công ty áp dụng chế độ thưởng theo định kỳ vào những dịp lễ tết: 30/4, 2/9, ngày sinh nhật của Công ty 28/6, các nhân viên được thưởng thêm 1 tháng lương, tết Dương lịch các nhân viên được thưởng thêm 1,5 tháng lương, tết Âm lịch, các nhân viên được thưởng thêm 2 tháng lương để động viên người lao động hăng say làm việc. Chế độ phụ cấp được chia thành 2 loại: phụ cấp công việc và phụ cấp trách nhiệm.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng Quản trị đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- ❖ Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- ❖ Tỷ lệ chia cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- ❖ Cổ tức được chia cho các cổ đông tương đương với phần vốn góp của cổ đông.
- ❖ Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
- ❖ HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành).
- ❖ Đối với việc chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng VND, có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền qua đường bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng.
- ❖ Khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có thể quyết định rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt.
- ❖ HĐQT có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chính sách cổ tức đã được HĐQT hoạch định và thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, nhằm vừa đảm bảo quyền lợi tối đa cho các cổ đông vừa có thể giữ lại một phần lãi để lại phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển doanh nghiệp bền vững, cũng như để tăng cường tính thanh khoản, tính hấp dẫn của cổ phiếu VinaCap trên thị trường. Cụ thể chính sách chi trả cổ tức trong thời gian từ 2007 đến 2009 như sau:

Hình 3: Tỷ lệ chia cổ tức từ năm 2007 đến năm 2009**11. Tình hình tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

12. Các chỉ tiêu cơ bản**a. Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

Bảng 12. Số năm khấu hao các loại tài sản như sau

| Tài sản | Năm |
|------------------------------------|--------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 năm |
| Máy móc, thiết bị | 10 năm |
| Thiết bị văn phòng và tài sản khác | 05 năm |
| Phương tiện vận tải | 10 năm |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 - VINACAP

b. Mức lương bình quân**Bảng 13. Mức thu nhập bình quân người lao động**

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2008 | Năm 2009 |
|---------------------------------------|--------------|---------------|
| Tổng chi phí lương và thưởng | 5,468 | 9,389 |
| Các khoản phải trả cho người lao động | 665 | 1,672 |
| Tổng cộng | 6,133 | 11,061 |
| Số lượng nhân viên | 98 | 140 |
| Thu nhập bình quân | 5.22 | 6.58 |

Nguồn: Báo cáo thu nhập người lao động năm 2009, 2008 - VINACAP

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo luật thuế quy định.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Bảng 12: Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 31/05/2010 |
|--|------------|--------------|--------------|
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán, hàng nhập khẩu | 45 | 1.037 | 4.450 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 32 | 29 | 17 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 720 | 1.702 | 1.702 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 52 | 48 | - |
| Tổng cộng | 850 | 2.816 | 6.170 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 và 2009 & báo cáo 5 tháng đầu năm 2010 - VINACAP

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm đầu hoạt động và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo.

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và ĐHCĐ. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được ĐHCĐ.

Ngày 28/05/2010, ĐHCĐ thường niên năm 2010 của Công ty đã thông qua việc Phương án phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 như sau:

Bảng 14. Phân phối lợi nhuận năm 2009

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|-----|---|-----------------------|
| 1. | Lợi nhuận trước thuế năm 2009 | 13.217.729.774 |
| 2. | Thuế TNDN phải nộp | (1.702.204.891) |
| 3. | Chi trả lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Trường Phú tham gia liên doanh sản xuất cáp quang | (1.631.465.218) |
| 4. | Thuế TNDN được giảm sau quyết toán thuế năm 2008 & 2009 | 243.605.425 |
| 5. | Lợi nhuận còn lại | 10.127.665.090 |
| 6. | Phân phối các quỹ | |
| | Quỹ Đầu tư phát triển (10%) | 1.012.766.509 |
| | Quỹ dự phòng tài chính (5%) | 506.383.254 |
| | Quỹ khen thưởng (5%) | 506.383.254 |
| | Quỹ phúc lợi (5%) | 506.383.254 |
| | Lương Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 316.800.000 |
| | Trích thưởng Ban điều hành | 212.766.509 |
| 7. | Lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 (5-6) | 7.066.182.191 |
| 8. | Lợi nhuận chưa phân phối năm 2008 | 575.259.353 |
| 9. | Trả cổ tức năm 2009 (8.5%) | 7.581.490.000 |
| 10. | Lợi nhuận còn lại năm 2009 | 59.951.544 |

Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 - VINACAP

f. Tổng dư nợ vay

- ❖ Vay ngắn hạn

Bảng 15. Dư nợ vay ngắn hạn

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Đối tượng | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 31/05/2010 |
|----------|--|---------------|----------------|----------------|
| 1 | Vay ngắn hạn - Ngân hàng TMCP Hàng Hải | | | |
| | Vay bằng VND | 7.770 | 81.326 | 102.858 |
| | Vay bằng USD (USD 1.544.212,85) | 19.319 | 27.705 | 25.909 |
| 2 | Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Hàng Hải | | | |
| | Vay bằng VND | - | 1.769 | 1.689 |
| | Vay bằng USD (USD 255.979,16) | 4.287 | 4.593 | 2.044 |
| | Tổng cộng: | 31.376 | 115.393 | 132.502 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 – VINACAP

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty có 02 hợp đồng tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải với các thông tin chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 70/08/HN ký ngày 24/12/2008 có hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn vay là 9 tháng, lãi suất vay được quy định tại từng thời điểm nhận nợ.
- Hợp đồng tín dụng số 86/09/MSB-HN-Vinacap ký ngày 30/09/2009 có hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất vay được quy định tại từng thời điểm nhận nợ.

❖ Vay dài hạn

Bảng 16. Chi tiết dư nợ vay dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Đối tượng | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 31/05/2010 |
|-----|-------------------------|--------------|--------------|--------------|
| | Vay dài hạn | | | |
| 1 | Ngân hàng TMCP Hàng Hải | 8.573 | 6.360 | 6.643 |
| | Tổng cộng: | 8.573 | 6.360 | 6.643 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 – VINACAP

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty có hợp đồng tín dụng trung hạn số 44/08/HN ký ngày 25/08/2008 với hạn mức vay là 1.200.000 USD (Một triệu hai trăm nghìn Đô la Mỹ) với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất vay được quy định tại thời điểm giải ngân.

Biện pháp đảm bảo cho 3 hợp đồng vay ngắn và trung hạn nêu trên là thế chấp bằng tài sản của Công ty với tổng giá trị đảm bảo là 100.673.621.783 VNĐ, 981.268 EUR và 376,8 USD.

Tất cả các khoản vay của Công ty đều trong hạn và được thanh toán đầy đủ khi đến hạn.

g. Tình hình công nợ hiện nay:

❖ Các khoản phải thu

Bảng 17. Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chi tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 5 tháng đầu năm 2010 |
|-----|--------------------------------|---------------|------------|----------------------|
| 1 | Phải thu của khách hàng | 29.677 | 86.215 | 122.773 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 2.935 | 6.438 | 6.036 |
| 3 | Phải thu nội bộ ngắn hạn | - | - | - |
| 4 | Các khoản phải thu khác | 13 | 7 | 13 |
| | Tổng các khoản phải thu | 32.625 | | 128.822 |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

92.660

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và 4 tháng đầu năm 2010 – VINACAP

❖ Các khoản phải trả

Bảng 18. Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 5 tháng đầu năm 2010 |
|---|---------------|---------------|----------------------|
| 1 Phải trả cho người bán | 21.978 | 39.114 | 47.527 |
| 2 Người mua trả tiền trước | 694 | 1.262 | 1.199 |
| 3 Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước | 850 | 2.816 | 6.170 |
| 4 Phải trả người lao động | 665 | 1.672 | 100 |
| 5 Chi phí phải trả | 188 | 146 | 4.657 |
| 6 Các khoản phải trả, phải nộp khác | 15.306 | 16.494 | 5.019 |
| Tổng các khoản phải trả | 39.681 | 61.504 | 64.672 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và 4 tháng đầu năm 2010 – VINACAP

12.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Bảng 19. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

| Tài sản | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 31/05/2010 |
|---|------------|------------|------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) | 1,28 | 1,17 | 1,23 |
| + Hệ số thanh toán nhanh (lần) | 0,51 | 0,66 | 0,78 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số nợ / Tổng tài sản (%) | 46% | 62% | 63% |
| + Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu (%) | 84% | 164% | 170% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | 2,36 | 2,77 | 1,39 |
| + Doanh thu thuần / Tổng tài sản | 0,61 | 0,80 | 0,44 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần (%) | 6% | 5% | 3% |
| + Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) | 7% | 10% | 4% |
| + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) | 4% | 4% | 1% |
| + Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%) | 7% | 5% | 3% |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008 và 2009 – VINACAP

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**13.1 Thành viên Hội đồng Quản trị**

HĐQT nhiệm kỳ 2010 - 2012 gồm 05 thành viên:

| Hội đồng quản trị | |
|-----------------------|--------------------------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Thắng | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Ngô Hồng Quân | Ủy viên HĐQT/Tổng Giám Đốc |
| Bà Đỗ Nguyệt Ánh | Ủy viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Kim Kỳ | Ủy viên HĐQT |
| Ông Trần Xuân Thái | Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám Đốc |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Ông Nguyễn Mạnh Thắng:

Họ và tên: Ông Nguyễn Mạnh Thắng
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 19/02/1963
Nơi sinh: La Khê – Hà Đông – Hà Nội
Số CMTND: 012019496 do Công An Hà Nội cấp ngày 28/03/1997
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: La Khê – Hà Đông – Hà Nội
Địa chỉ thường trú: Số 14 Ngõ 203, Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437741320
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|---|--|------------------|
| Từ 1985 đến 1988 | Lữ đoàn 386, Binh đoàn 11, Bộ Quốc Phòng | Trợ lý TCLD |
| Từ 1988 đến 1994 | Nhà máy dệt 8/3 | Chuyên viên |
| Từ 1994 đến 2004 | Công ty thông tin di động VMS | Phó Giám đốc |
| Từ 2004 đến nay | Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam | Trưởng Ban TT-BH |
| Chức vụ công tác hiện nay: | Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng | |
| Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác | Trưởng Ban TT-BH Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam | |
| Số cổ phần nắm giữ (ngày 31/03/2010) | 2.020.000 cổ phần, trong đó: <ul style="list-style-type: none">Sở hữu đại diện: 2.000.000 cổ phầnSở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần | |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không | |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không | |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không | |
| Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010) | Vợ - Đỗ Thị Thanh Vân sở hữu 8.000 cổ phần | |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Ông Ngô Hồng Quân

Họ và tên: Ông Ngô Hồng Quân
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 20/05/1973
Nơi sinh: Thiệu Ngọc - Thiệu Hóa - Thanh Hóa
Số CMTND: 011845888 do Công An Hà Nội cấp ngày 28/03/1997
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Thiệu Ngọc – Thiệu Hóa – Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: Nhà 2 Ngõ 3 đường 800A Nghĩa Đô – Cầu Giấy – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0435377989
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|---|---|--|
| Từ 1994 đến 1997 | Tổng công ty XD Hà Nội | Chuyên viên kinh tế |
| Từ 1997 đến 2001 | Tập đoàn BCVT Việt Nam | Chuyên viên Ban Hợp tác Quốc tế |
| Từ 2001 đến 2006 | Tập đoàn BCVT Việt Nam | Tổ trưởng Tổ các dự án Quốc tế |
| Từ 2006 đến 2007 | Công ty Liên doanh Cáp Vinadeasung - VNPT | Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Công ty Liên doanh Cáp Vinadeasung |
| Từ 2007 đến nay | Công ty CP Cáp và Vật Liệu Mạng | Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Chức vụ công tác hiện nay: | | Ủy viên HĐQT-Tổng Giám đốc |
| Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: | | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư và khai thác dịch vụ viễn thông Việt Nam (Vietlinks) |
| Số cổ phần nắm giữ (ngày 31/03/2010): | | 2.020.000 cổ phần, trong đó: <ul style="list-style-type: none">Sở hữu đại diện: 2.000.000 cổ phầnSở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | | Không |
| Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010) | | Vợ Nguyễn Thanh Hà sở hữu 20.000 cổ phần |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Bà Đỗ Nguyệt Ánh

Họ và tên: Bà Đỗ Nguyệt Ánh
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 11/08/1972
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMTND: 012012993 do Công An Hà Nội cấp ngày 04/04/1997
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Nam
Địa chỉ thường trú: 24 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 22142118
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|---|---|-------------------|
| Từ 1995 đến nay | Tổng công ty Điện lực miền Bắc | Phó Tổng Giám đốc |
| Chức vụ công tác hiện nay: | Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần cáp và Vật liệu mạng (Vinacap) | |
| Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: | Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc | |
| Số cổ phần nắm giữ (ngày 31/03/2010) | 1.530.000 cổ phần, trong đó: Sở hữu đại diện cổ phần của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc tại Công ty Vinacap: 1.500.000 cổ phần Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần | |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không | |
| Các khoản nợ đối với Công ty: | Không | |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không | |
| Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010) | Không | |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Ông Nguyễn Kim Kỳ

Họ và tên: Ông Nguyễn Kim Kỳ
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 01/05/1952
Nơi sinh: Ngọc Xá - Quế Võ - Bắc Ninh
Số CMTND: 011037204 do Công An Hà Nội cấp ngày 08/04/2003
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Ngọc Xá - Quế Võ - Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú: Tổ 32C Phương Liên - Đống Đa – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84) 04 39782362
Trình độ văn hóa: Đại học
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vô tuyến điện
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|---|---|
| Từ 1977 đến 1984 | Công ty Vật tư Bưu điện nay là Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (COKYVINA) | Nhân viên |
| Từ 1984 đến 1988 | Công ty Vật tư Bưu điện | Phó phòng Kế hoạch |
| Từ 1988 đến 1990 | Công ty Vật tư Bưu điện | Trưởng phòng Kế hoạch |
| Từ 1990 đến 1997 | Công ty Vật tư Bưu điện | Trưởng Trung tâm kinh doanh II |
| Từ 1997 đến 1998 | Công ty Vật tư Bưu điện | Phó Giám đốc |
| Từ 1998 đến 2005 | Công ty Vật tư Bưu điện | Giám đốc |
| Từ 2005 đến nay | Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần cấp và vật liệu mạng (Vinacap)

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác

- Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần công nghệ cáp quang và thiết bị Bưu điện (TFP)
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại Bưu chính Viễn thông (COKYVINA)

Số cổ phần nắm giữ cổ phần Công ty cổ phần cấp và vật liệu mạng (VINACAP) (ngày 31/03/2010) là 1.015.000 cổ phần, trong đó: - Sở hữu đại diện: 1.000.000 cổ phần

- Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Số cổ phần nắm giữ cổ phần Công ty CP TM Bưu chính Viễn thông (COKYVINA) (ngày 31/05/2010 là 691.500 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu đại diện vốn Nhà nước - Tập đoàn VNPT tại Công ty COKYVINA: 661.500 cổ phần:
- Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010): Không

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Ông Trần Xuân Thái

Họ và tên: Ông Trần Xuân Thái
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 30/08/1970
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMTND: 012292321 do Công An Hà Nội cấp ngày 09/11/1999
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Vân Canh – Hoài Đức - Hà Nội
Địa chỉ thường trú: Nhà A10/66 ngõ Thông Phong, Q.Đống Đa – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0913532373
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| Từ 1994 đến 1999 | Cty TNHH EXTIMA – LB Nga | Phó Giám đốc |
| Từ 2000 đến 2002 | Viện kinh tế Bưu điện | Chuyên viên |
| Từ 2003 đến 2007 | Ban kế hoạch tập đoàn BCVT Việt Nam | Tổ trưởng tổ tổng hợp |
| Từ 2007 đến nay | Công ty VINACAP | Phó Tổng Giám đốc |

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu mạng

Số cổ phần nắm giữ (ngày 31/03/2010) 40.000 cổ phần, trong đó:
• Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
• Sở hữu cá nhân: 40.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010) Vợ - Lê Thị Ngọc Diệp sở hữu: 50.000 cổ phần

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

13.2 Ban Giám Đốc:

| Ban giám đốc | |
|--------------------|---------------------------------|
| Ông Ngô Hồng Quân | Ủy viên HĐQT /Tổng Giám Đốc |
| Ông Trần Xuân Thái | Ủy viên HĐQT /Phó Tổng Giám Đốc |
| Ông Phạm Văn Ninh | Phó Tổng Giám Đốc |

Ông Ngô Hồng Quân: Tổng giám đốc (như trên)

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Ông Phạm Văn Ninh:

Họ và tên: Ông Phạm Văn Ninh
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 01/08/1975
Nơi sinh: Nghĩa Thắng – Nghĩa Hưng – Nam Định
Số CMTND: 013016634 do Công an Hà Nội cấp ngày 02/11/2007
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Nghĩa Thắng – Nghĩa Hưng – Nam Định
Địa chỉ thường trú: P1004-CT3B-X2 Linh Đàm, Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.39945786
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1997 đến 2007 | Công ty liên doanh cáp VINADAESUNG | Chuyên viên |
| Từ 2007 - 2009 | Công ty CP Cáp và Vật liệu Mạng | Trưởng phòng Tổ chức Tổng hợp |
| Từ 2009 - Nay | Công ty CP Cáp và Vật liệu Mạng | Phó Tổng giám đốc |

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên ban Kiểm soát Công ty Vietlinks
Số cổ phần nắm giữ (ngày 31/03/2010): 10.000 cổ phần, trong đó:
• Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
• Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010): Vợ - Hoàng Thị Bích Ngọc sở hữu: 60.000 cổ phần

Ông Trần Xuân Thái: Phó Tổng giám đốc (như trên)

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

13.3 Ban kiểm soát

| Ban kiểm soát | |
|-----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Hà | Trưởng ban |
| Ông Lê Thanh Bình | Thành viên |
| Bà Trần Thị Tuyết Mai | Thành viên |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Ông Nguyễn Mạnh Hà:

Họ và tên: Ông Nguyễn Mạnh Hà
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 20/7/1959
Nơi sinh: Sơn Dương – Tuyên Quang
Số CMTND: 010969220 do Công An Hà Nội cấp ngày 11/12/2007
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Yên Lạc – Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú: P401, 17T2, khu Đô thị Trung Hoà, Nhân Chính, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 22100631
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|--|----------------------------|
| Từ 1982 đến 1986 | Ban chủ nhiệm bộ đội biên phòng Hà Tuyên | Trợ lý tài vụ |
| Từ 1986 đến 1991 | Sở Tài chính Hà Tuyên | Chuyên viên |
| Từ 1991 đến 2000 | Công ty Bảo hiểm Hà Giang | Giám đốc |
| Từ 2000 đến 2006 | Công ty Bảo hiểm Vĩnh Phúc | Giám đốc |
| Từ 2006 đến nay | Tổng Công ty Điện lực miền Bắc | Phó Ban Tổ chức và Nhân sự |

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng Ban Tổ chức và Nhân sự

Số cổ phần nắm giữ (ngày 31/03/2010) 5.000 cổ phần, trong đó:
• Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
• Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010) Không

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Ông Lê Thanh Bình:

Họ và tên: Ông Lê Thanh Bình
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 05/12/1963
Nơi sinh: Thanh Hóa
Số CMTND: 011634666 do Công An Hà Nội cấp ngày 28/02/2002
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Tỉnh Gia – Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: Số 16 ngách 371/17 đường La Thành phường Ô chợ Dừa quận Đống Đa – Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0903434428
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|---|-------------------------------------|
| Từ 1987 đến 1995 | Công ty thiết bị điện tử Giao thông Vận tải | Chuyên viên Kế hoạch–Kinh doanh |
| Từ 1995 đến 1999 | Công ty Viễn thông quốc tế - VNPT | Chuyên viên Kế hoạch - Đầu tư |
| Từ 1999 đến nay | Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | Chuyên viên – Nay là Phó Trưởng Ban |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Kế hoạch
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ (ngày 31/03/2010) 20.000 cổ phần, trong đó:
• Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
• Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010) Không

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

Bà Trần Thị Tuyết Mai:

Họ và tên: Bà Trần Thị Tuyết Mai
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 25/04/1971
Nơi sinh: Hà Nội
Số CMTND: 011784965 do Công An Hà Nội cấp ngày 10/04/1993
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Triệu Phong, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú: 65/69 Phố Nguyễn Phúc Lai, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84-4) 39781323/ 39782359
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|--------------------------|------------------------------------|--|
| Từ tháng 7/1993 – 8/2004 | Công ty vật tư Bưu điện I | Kế toán |
| Từ tháng 8/2004 – 1/2008 | Công ty vật tư Bưu điện I | Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán |
| Từ tháng 1/2008 đến nay | Công ty CP TM Bưu chính Viễn thông | UV HĐQT, Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Tổ trưởng tổ Kế hoạch Tổng hợp. |

Chức vụ công tác hiện nay:

Ủy viên Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Mạng

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác

- Ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang & Thiết bị Bưu điện (TFP).
- Ủy viên HĐQT, Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán kiêm Tổ trưởng tổ Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông.

- Số cổ phần nắm giữ cổ phần Công ty cổ phần cấp và vật liệu mạng (VINACAP) (ngày 31/03/2010) là 1.015.000 cổ phần, trong đó: Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần.

Số cổ phần nắm giữ (ngày 31/03/2010) cổ phần Công ty CP TM BCVT (COKYVINA) 9.400 cổ phần. Trong đó:

- Số cổ phần cá nhân: 9.400 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty.

Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010): Không

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG (VINACAP)

13.4 Kế Toán Trưởng: Bà Vũ Hồng Hạnh

Họ và tên: Bà Vũ Hồng Hạnh
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 06/03/1974
Nơi sinh: Gia Lâm – Hà Nội
Số CMTND: 011870709 do Công An Hà Nội cấp ngày 03/04/2010
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Vũ Văn- Vũ Thư- Thái Bình
Địa chỉ thường trú: Tổ 7- Phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 043.5378.166
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|---|---------------------------------|--------------------------------|
| Từ 1993 đến tháng 11 năm 2007 | Công ty LD Cấp VINADAESUNG | Kế toán |
| Từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 4 năm 2008 | Công ty CP Cấp và Vật liệu Mạng | Trưởng Bộ phận kho |
| Từ tháng 4 năm 2008 đến tháng 11 năm 2008 | Công ty CP Cấp và Vật liệu Mạng | Phó phòng Tài chính Kế toán |
| Từ tháng 11 năm 2008 đến nay | Công ty CP Cấp và Vật liệu Mạng | Trưởng phòng Tài chính Kế toán |

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Phòng TCKT

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác

Số cổ phần nắm giữ (ngày 31/03/2010) 5.700 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Số cổ phần những người có liên quan (ngày 31/03/2010) Mẹ - Nguyễn Thị Lan sở hữu 5.000 cổ phần
Chồng – Lê Quang Chiến sở hữu 15.100 cổ phần

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG

14. Tài sản

Bảng 20. Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Tài sản | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Tỷ lệ còn lại (%) |
|---------------------------------|---------------------------|---------------|-----------------|-------------------|
| Tài sản cố định hữu hình | | | | |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 6.276 | 5.622 | 90% |
| 2 | Máy móc thiết bị | 72.973 | 65.189 | 89% |
| 3 | Phương tiện vận tải | 3.111 | 2.724 | 88% |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 40 | 26 | 63% |
| 5 | Tài sản cố định khác | 13 | 10 | 77% |
| Cộng | | 82.413 | 73.571 | |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 – VINACAP

Máy móc thiết bị sản xuất chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty (chiếm 89% giá trị tài sản cố định). Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất cáp điện và cáp viễn thông lõi đồng chủ yếu được nhập khẩu từ các nhà sản xuất có uy tín nhất trên thế giới do đó thời gian hữu dụng của các tài sản này tương đối dài so với các máy móc cùng loại được sản xuất từ Trung Quốc. Dây chuyền sản xuất cáp quang được thừa kế từ hợp đồng BCC với Công ty Cổ phần Trường Phú, công nghệ hiện đại do đó có khả năng nhuộm màu 6 sợi, 24 sợi, 48 sợi và 144 sợi trong cùng một dây chuyền. Công suất tối đa của dây chuyền là 1.200.000 km cáp quang dung lượng 24 sợi.

Giá trị còn lại của tài sản so với nguyên giá khá lớn do các máy móc thiết bị và tài sản dùng cho sản xuất đều được đầu tư mua sắm mới từ năm 2007. So sánh trình độ công nghệ và công suất hoạt động của hệ thống máy sản xuất cáp quang của Công ty đạt 80% so với khả năng sản xuất của công nghệ sản xuất mới nhất.

Bảng 21. Một số máy móc thiết bị sản xuất hiện đại tại thời điểm 30/4/2010

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Tài sản | Nguyên giá | Xuất xứ | Ngày mua |
|---|---|------------|-------------|------------|
| Máy sản xuất cáp lan | | | | |
| 1 | Tổ hợp máy xoắn đôi Gauder T1,T2 | 1.407 | Tây Ban Nha | 01/12/2007 |
| 2 | Máy xoắn đôi Caballe T3,T4 | 1.114 | Tây Ban Nha | 01/12/2007 |
| 3 | Máy bện cáp Caballe B1 | 846 | Tây Ban Nha | 01/12/2007 |
| 4 | Tổ hợp máy bọc vỏ Taihan S1 | 912 | Hàn Quốc | 01/12/2007 |
| 5 | Máy đo DCM cáp Lan | 820 | Mỹ | 01/12/2007 |
| Máy sản xuất cáp sợi quang | | | | |
| 1 | Máy bọc vỏ - Pioneer Taiwan S2 | 2.026 | Đài Loan | 01/12/2007 |
| 2 | Dây chuyền sản xuất cáp quang | 11.777 | Trung Quốc | 11/01/2008 |
| 3 | Máy đo OTDR đo suy hao và định vị lỗi sợi quang | 414 | Đài Loan | 13/03/2009 |
| Máy sản xuất cáp viễn thông sợi đồng | | | | |
| 1 | Tổ hợp máy ko sợi đơn Rosendahl I1 | 8.716 | Tây Ban Nha | 01/12/2007 |
| 2 | Tổ hợp máy bọc sợi đơn Kobe I2 | 2.285 | Nhật Bản | 01/12/2007 |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG

| TT | Tài sản | Nguyên giá | Xuất xứ | Ngày mua |
|----------------------------------|--|---------------|-------------|------------|
| 3 | Tổ hợp máy xoắn đôi Taihan T5,T6,T7 | 722 | Hàn Quốc | 01/12/2007 |
| 4 | Tổ hợp máy xoắn đôi Sket T8, T9 | 374 | Tây Ban Nha | 01/12/2007 |
| 5 | Tổ hợp máy bó nhóm D1 - 104BB | 1.399 | Hàn Quốc | 01/12/2007 |
| 6 | Tổ hợp máy nhồi dầu Taihan U1 | 1.378 | Hàn Quốc | 01/12/2007 |
| 7 | Tổ hợp máy nhồi dầu Redex J1 và quần băng thép | 631 | Italia | 01/12/2007 |
| Máy sản xuất dây cáp điện | | | | |
| 1 | Bộ xả dây 630 | 168 | Đài Loan | 10/03/2008 |
| 2 | Máy kéo dây đồng - Henrich | 11.905 | Đức | 31/08/2009 |
| 3 | Máy bọc vỏ dây điện - Samp | 12.776 | Italia | 31/08/2009 |
| 4 | Máy bọc vỏ dây điện - Pioneer Taiwan | 6.831 | Đài Loan | 31/08/2009 |
| 5 | Máy bện kèm Bô bin - Goodsmart | 1.910 | Đài Loan | 31/08/2009 |
| 6 | Máy bện Samp - Trường Phú | 824 | Trung Quốc | 31/08/2009 |
| 7 | 14 Bộ xả - Trọng Tín | 897 | Việt nam | 31/08/2009 |
| 8 | Bô bin 630 và 800 | 570 | Trung Quốc | 10/01/2009 |
| 10 | Máy đánh cuộn dây điện | 425 | Trung Quốc | 31/12/2009 |
| Cộng | | 71.128 | | |

Nguồn: Sổ tài sản cố định - VINACAP

Máy móc mua ngày 01/12/2007 là máy móc nhận từ tài sản kết thúc Công ty LD VINDAESUNG

Một số hình ảnh về máy móc thiết bị của Công ty



Hệ thống máy bọc vỏ dây điện SAMP – EXTRUSION (Italia)

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG



Máy đo OTDR đo suy hao và định vị lỗi sợi quang



Dây chuyền nhuộm màu sợi cáp – Một bộ phận của hệ thống sản xuất cáp quang

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 22. Một số chỉ tiêu dự kiến về kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|---|----------------|----------------|------------------|
| 1. Doanh thu | 500.000 | 700.000 | 1.080.000 |
| <i>Tăng trưởng</i> | <i>111%</i> | <i>40%</i> | <i>54%</i> |
| - Hoạt động Sản xuất | 230.000 | 350.000 | 530.000 |
| - Hoạt động OEM/ODM thiết bị và kinh doanh thương mại | 270.000 | 350.000 | 550.000 |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | 25.000 | 35.000 | 50.000 |
| 3. Vốn điều lệ | 150.000 | 150.000 | 200.000 |
| 4. Dự kiến chi trả cổ tức | 12,5% | 15% | 17% |

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 đã gây ra những tác động tiêu cực tới nền kinh tế Việt Nam và cho tới nay vẫn ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Là một chủ thể trong nền kinh tế, Công ty cũng chịu những tác động nhất định từ biến động nói trên. Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2010 – 2012 được xây dựng có tính đến các yếu tố biến động trong hoạt động sản xuất kinh doanh và sát với thực tại của nền kinh tế. Các chỉ tiêu đặt ra nêu trên xét về các yếu tố khách quan và chủ quan đều nằm trong khả năng thực hiện của Công ty.

Doanh thu của Công ty trong năm 2010 ước đạt 500 tỷ đồng trong đó 46% doanh thu từ hoạt động sản xuất với nguồn thu chủ yếu (150 tỷ) từ sản phẩm dây điện dân dụng và cáp điện do thị trường đã công nhận sản phẩm trên, bên cạnh đó năm 2010 công ty cũng dự kiến đầu tư một dây chuyền để làm cáp hạ thế, dự kiến đi vào hoạt động tháng 8/2010 làm tăng doanh thu. Sản phẩm cáp quang với kinh nghiệm và thị trường đã có với công suất chạy máy 85% sẽ đem lại doanh số 70 tỷ/năm. 54% tổng doanh thu sẽ từ hoạt động thương mại bao gồm suất xuất theo phương thức OEM/ODM thiết bị và phân phối thiết bị viễn thông và các thiết bị đầu cuối như điện thoại di động, laptop. Kết quả doanh thu dự kiến có được là do mối quan hệ được củng cố và xu thế kết hợp kinh doanh giữa các đơn vị trong Tập đoàn VNPT. Sang năm 2011 doanh thu từ hai mảng sản xuất và kinh doanh sẽ tương đương nhau và tổng doanh thu dự kiến đạt 700 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2010. Các mảng sản xuất và kinh doanh vẫn sẽ phát huy vị thế có được trên thị trường. Khi tác động khủng hoảng tài chính đã qua đi và những nỗ lực kích thích tăng trưởng kinh tế của chính phủ phát huy tác dụng thì doanh thu dự kiến trong năm 2012 sẽ đạt 1080 tỷ đồng, tăng 54% so với 2011.

Kế hoạch tăng trưởng trên là cao trong bối cảnh khủng hoảng chưa kết thúc nhưng vẫn là phương án thấp của VINACAP. Với kênh phối được thiết lập toàn quốc và với những nhãn hiệu sản phẩm mới ra đời, VINACAP có phương án tăng trưởng cao hơn. Theo đó kế hoạch mục tiêu của năm 2012 sẽ được hoàn thành ngay từ năm 2011.

16. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

❖ Dưới góc độ là nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

❖ Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có tuổi đời trẻ, có bản lĩnh, táo bạo và năng động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Cáp, Thiết bị, Thương mại. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua là

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG

rất hiệu quả, tăng trưởng nhanh ngay cả khi nền kinh tế khủng hoảng và ngay cả khi ngành Cáp viễn thông đồng suy giảm mạnh, nhiều doanh nghiệp đến nay còn chưa thoát khỏi khó khăn.

❖ Theo chủ trương của Chính phủ quy định trong nghị quyết 23/NHNN thì lãi suất tín dụng sẽ được điều chỉnh hạ xuống ở khoảng 12% nhằm kích thích tăng trưởng tín dụng nền kinh tế, cùng với sự gia tăng tiêu dùng và đầu tư trong nước được thúc đẩy khi các biện pháp kích thích tài chính tác động đến toàn bộ nền kinh tế, tăng trưởng của VN dự kiến sẽ phục hồi ở mức 6,5% trong năm 2010. Bên cạnh đó thâm hụt ngân sách sẽ giảm xuống còn 5,3% GDP vào năm 2010. Giá dầu thế giới được dự báo sẽ tăng vào năm 2010, do đó nguồn thu từ dầu mỏ của VN cũng tăng. Tăng trưởng kinh tế phục hồi sẽ thúc đẩy tổng thu của Chính phủ. Tổng chi tiêu sẽ giảm xuống do không có biện pháp kích thích tài chính lớn nào dự kiến sẽ được áp dụng trong năm tới.

❖ Năm 2010, thâm hụt tài khoản vãng lai dự kiến sẽ giảm xuống còn 9,7% GDP. Nhu cầu bên ngoài cao và giá xuất khẩu tăng lên sẽ giúp thúc đẩy xuất khẩu, lượng kiều hối chuyển về cũng sẽ tăng lên. Dòng vốn FDI và đầu tư gián tiếp nước ngoài sẽ gia tăng trở lại do điều kiện tài chính toàn cầu và niềm tin của các nhà đầu tư được cải thiện. Cán cân thanh toán tổng thể sẽ quay trở lại mức thặng dư.

❖ Nổi bật nhất vẫn là tăng trưởng công nghiệp đang trên đà cao lên qua các tháng, các quý. Đó cũng là xu hướng chung của các khu vực, các địa bàn, các ngành và các sản phẩm chủ yếu. Cơ cấu GDP có sự chuyển dịch tích cực.

❖ Trước tình hình khả quan về tốc độ tăng trưởng của ngành và những lợi thế riêng có, Công ty đã chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh và đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao trình độ quản lý và tay nghề của công nhân viên. Hiện nay, với việc thực hiện thường xuyên các công trình lớn, kinh nghiệm và uy tín của Công ty Cổ phần VINACAP ngày càng được nâng cao.

❖ Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà công ty đã đề ra trong 3 năm 2010 - 2012 và định hướng năm 2013 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa bảo đảm được mức lợi tức cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu.

Không có

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/ cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu chào bán:** 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) cổ phiếu
 - ❖ Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 2.000.000 (Hai triệu) cổ phiếu.
Tỷ lệ phát hành là 5:1.
 - ❖ Phát hành cho cổ đông chiến lược: 1.000.000 (Một triệu) cổ phiếu
 - ❖ Phát hành cho CBCNV: 500.000 (Năm trăm nghìn) cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 của Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng, giá phát hành cho các đối tượng được xác định như sau:

- ❖ Cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Cổ đông chiến lược: 12.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Cán bộ công nhân viên: 10.000 đồng/ cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

Phương pháp giá trị sổ sách

Dựa trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/05/2010, giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng vào thời điểm 31/05/2010 được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Các khoản mục

| Khoản mục | 31/05/2010 (đồng) |
|---------------------------------|-------------------|
| Tổng tài sản | 322.332.904.972 |
| Tài sản vô hình | - |
| Nợ phải trả | 203.815.786.879 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.000.000 |
| Giá trị sổ sách | 11.852 |

Trên cơ sở xem xét về lượng vốn cần huy động, kết hợp với giá thị trường hiện tại và khả năng duy trì tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần.

6. Phương thức phân phối.

- ❖ Phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
- ❖ Phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược
- ❖ Phát hành cho cán bộ công nhân viên

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Tiến hành phân phối cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên, cổ đông chiến lược trong vòng 90

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG

ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực.

- ❖ Phát hành cho cổ đông hiện hữu

| STT | Công việc | Thời gian |
|-----|--|-------------|
| 1. | Nhận Giấy phép phát hành thêm cổ phiếu | D |
| 2. | Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định | D + 2 |
| 3. | Thông báo chốt danh sách cổ đông | D+2 |
| 4. | Chốt danh sách cổ đông | D+12 |
| 5. | Thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu | D+19 |
| 6. | Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (nếu có) | D+20 - D+38 |
| 7. | Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu | D+20 - D+40 |
| 8. | Gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa cho Tổ chức phát hành | D+42 |
| 9. | Phân phối cổ phiếu cho cổ đông | D+44 |
| 10. | Báo cáo phát hành cho UBCKNN | D+50 |

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần

- Vinacap sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông để xác định Danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới và thông báo phân bổ quyền mua trực tiếp đến cổ đông.

Bước 2: Thực hiện quyền mua và thanh toán tiền mua cổ phần

- Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định.
- Trong thời hạn 20 ngày làm việc để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 02 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại trụ sở Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Mạng - Vinacap.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

- Kết thúc thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Công ty lập báo cáo thực hiện quyền mua chứng khoán kèm theo danh sách cổ đông thực hiện quyền 01 ngày sau khi kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- Công ty chuyển tiền thanh toán mua chứng khoán của người đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của Công ty tại Ngân hàng chỉ định thanh toán.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

- Vào ngày phát hành, cổ phiếu sẽ được phân phối theo danh sách chốt tại ngày kết thúc thực hiện quyền.

- ❖ Phát hành cho cổ đông chiến lược

| TT | Công việc | Thời gian |
|----|--|------------|
| 1. | Nhận Giấy phép đăng ký chào bán cổ phiếu của UBCK | D |
| 2. | Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định | D + 2 |
| 3. | Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua cổ phần | D+14 - D35 |
| 4. | Gửi Báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN | D + 50 |

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP VÀ VẬT LIỆU MẠNG

- Sau khi nhận Giấy phép đăng ký chào bán của UBCKNN, Tổ chức phát hành (VINACAP) thực hiện chào bán cho các cổ đông chiến lược của Công ty.
- VINACAP sẽ thông báo cho các cổ đông chiến lược của Công ty đăng ký mua cổ phần theo danh sách và số lượng cổ phần theo dự kiến của hai bên. Thời gian thực hiện dự kiến trong vòng 7 - 20 ngày làm việc.
- VINACAP sẽ xác nhận việc phân phối cổ phần, ký kết hợp đồng phân phối, hoàn tất việc thu tiền bán cổ phần và chuyển giao cổ phần cho cổ đông chiến lược.
- Tổng kết chào bán: Trong thời gian 10 ngày sau khi đợt chào bán kết thúc, Công ty VINACAP sẽ lập báo cáo kết quả chào bán gửi UBCKNN.

- Nhà đầu tư chiến lược:

✓ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Tên giao dịch: Kim Long Securities Corporation

Địa chỉ: 22 Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại: 04. 3772 6868 - Fax: 04. 3772 6131

Email: kimlong@kls.vn - Website: www.kls.vn

- ❖ Phát hành cho cán bộ công nhân viên

| TT | Công việc | Thời gian |
|----|--|------------|
| 1. | Nhận Giấy phép đăng ký chào bán cổ phiếu của UBCK | D |
| 2. | Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định | D + 2 |
| 3. | Cán bộ nhân viên đăng ký và nộp tiền mua cổ phần theo danh sách đã được HĐQT phê duyệt | D+14 - D35 |
| 4. | Gửi báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN | D + 50 |

- Sau khi nhận Giấy phép đăng ký chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổ chức phát hành (VINACAP) thực hiện chào bán cho cán bộ nhân viên của Công ty.
- VINACAP sẽ thông báo cho cán bộ nhân viên của Công ty đăng ký mua cổ phần theo danh sách và số lượng cổ phần theo dự kiến. Thời gian thực hiện dự kiến trong vòng 7 - 20 ngày làm việc.
- VINACAP sẽ xác nhận việc phân phối cổ phần, ký kết hợp đồng phân phối, hoàn tất việc thu tiền bán cổ phần và chuyển giao cổ phần cho nhà đầu tư.
- Tổng kết chào bán: Trong thời gian 10 ngày sau khi đợt chào bán kết thúc, Công ty VINACAP sẽ lập báo cáo kết quả chào bán gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sau khi nhận được chấp thuận kết quả phát hành, VINACAP sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký lưu ký bổ sung đối với cổ phiếu phát hành.

✓ Danh sách cán bộ nhân viên được mua cổ phần (chi tiết Phụ lục đính kèm)

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

Cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược làm thủ tục mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Mạng.

9. Phương thức thực hiện quyền:

- ❖ Cổ đông hiện hữu

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG

Tỷ lệ phát hành cho cổ đông hiện hữu là 5:1, Căn cứ vào ngày phát phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 5 (năm) cổ phần được quyền mua thêm 1 (một) cổ phần phát hành thêm.

Cổ phần phát hành trước hết sẽ được phân phối cho các cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phần. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo danh sách tổng hợp cổ đông.

Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ chuyển nhượng 1 lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán quyền chuyển nhượng. Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được quyết định bởi HĐQT Công ty.

❖ Cổ đông chiến lược

Ủy quyền cho HĐQT chọn lượng đối tượng, phương thức phát hành phù hợp đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty, trong đó ưu tiên cho các đối tượng đáp ứng một trong các tiêu chí sau: Tất cả các cá nhân và tổ chức có quan hệ kinh tế với Công ty, có khả năng tài chính thực hiện việc thanh toán mua cổ phần, có sự quan tâm đến sản phẩm và hoạt động kinh doanh của Công ty...

❖ Cán bộ công nhân viên

Ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng và tiêu chuẩn phân phối căn cứ Phương án phân phối của Tổng giám đốc trình

❖ Xử lý số lượng cổ phần lẻ phát sinh, số lượng cổ phần không phân phối hết

Đối với số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược hay cán bộ công nhân viên công ty, trong trường hợp không được đăng ký mua hết sẽ được gộp vào đợt phát hành 2 (15 tỷ) để thực hiện bán đấu giá ra bên ngoài.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTG ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó quy định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Hạn chế chuyển nhượng đối với Cổ đông chiến lược: Thời gian hạn chế chuyển nhượng là 1 năm kể từ ngày phát hành.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:

- ❖ Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng
- ❖ Số tài khoản phong tỏa: 0111029366868
- ❖ Tại ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình – Chi nhánh Hà Nội

13. Các loại thuế có liên quan

- ❖ Các loại thuế đối với Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng là thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà đất...
- VAT: 10% , riêng trong năm 2009 được giảm 50% thuế VAT theo chính sách kích cầu của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 25% kể từ năm 2009.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**1. Mục đích chào bán**

Số tiền thu được từ đợt phát hành này nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cụ thể như sau:

Tăng vốn lưu động, cải thiện các chỉ tiêu tài chính đảm bảo mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty như chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản, đảm bảo cơ cấu tài chính đạt mức hợp lý và an toàn, giảm bớt rủi ro về tài chính do sự lệ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính cho Công ty.

Chuyển đổi cơ cấu đầu tư và cơ cấu kinh doanh đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh OEM/ODM thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin: Điện thoại AVIO, máy tính, Router...

2. Phương án khả thi

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh trong vòng 3 năm tới, Công ty có định hướng đẩy mạnh hoạt động thương mại cùng với việc nâng cao công suất hoạt động sản xuất tại nhà máy, theo đó năng lực hoạt động và nhu cầu vốn của Công ty dự kiến như sau:

| Chỉ tiêu | 2010 | 2011 | 2012 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|------------------|
| Doanh thu | 500.000 | 700.000 | 1.080.000 |
| Hoạt động sản xuất | 230.000 | 350.000 | 530.000 |
| - Cáp quang, phụ kiện | 70.000 | 70.000 | 70.000 |
| - Dây điện dân dụng và cáp điện | 150.000 | 250.000 | 400.000 |
| - Dây cáp viễn thông | 10.000 | 10.000 | 10.000 |
| - Thiết bị điện dân dụng | - | 20.000 | 50.000 |
| Hoạt động thương mại | 270.000 | 350.000 | 550.000 |
| - Kinh doanh thiết bị viễn thông | 120.000 | 100.000 | 100.000 |
| - OEM/ ODM thiết bị đầu cuối CNTT | 150.000 | 250.000 | 450.000 |

Tính đến ngày 31/12/2009 cơ cấu tổng vốn 100.000.000.000 tỷ đồng của Công ty trong đó :

+ Tài sản cố định là : 73.571.370.639 đồng

+ Đầu tư dài hạn vào Công ty Việtlinks và Công ty VNTT là 12.119.000.000 đồng

➔ Như vậy vốn lưu động của Công ty còn lại là : 14.309.629.361 đồng

Hiện nay hàng hoá và sản phẩm của Công ty chủ yếu bán cho các khách hàng là VNPT, Viettel, EVN, FPT và các dự án xây dựng toà nhà cũng như các đại lý tiêu thụ khác với thời hạn từ khi mua vật tư, hàng hoá đến khi thu tiền hàng từ 4 đến 5 tháng. Như vậy với kế doanh thu năm 2010 là 500.000.000.000 đồng thì vòng quay vốn lưu động tối đa được 3 vòng/năm, do vậy nhu cầu vốn lưu động của Công ty cần phải có là 166.600.000.000 đồng.

Theo số vốn lưu động hiện còn đến 31/12/2009 thì Công ty còn thiếu 152.290.370.639 đồng.

Trong giai đoạn 1 (Quý III năm 2010), Công ty thực hiện phát hành 35 tỷ đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho kế hoạch doanh thu trên.

Số tiền vốn lưu động thiếu còn lại Công ty huy động bằng vốn vay ngân hàng và từ nhà cung cấp bằng các hình thức thanh toán trả chậm.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Đến ngày 31/05/2010 doanh thu của Công ty đã đạt được 197,6 tỷ đạt 40% kế hoạch năm, dự kiến lũy kế đến hết tháng 6/2010 doanh thu của Công ty đạt 359.3 tỷ đạt 71,8 % kế hoạch năm .

Hiện nay Công ty đã ký kết và đang thực hiện các hợp đồng kinh doanh tiêu thụ sản phẩm như sau :

| Hợp đồng bán sản phẩm | Sản phẩm | Giá trị hợp đồng (VNĐ) |
|-------------------------|---|------------------------|
| Số 86/10 | Điện thoại Alo-Avio | 106.802.600.000 |
| Số 45/10 | Điện thoại Alo-Avio | 29.587.126.800 |
| Số 76/10 | Thiết bị truyền dẫn SDH | 90.932.631.994 |
| Số 15/10 | Máy tính HP | 7.210.300.000 |
| Số 81/2010 | USB Modem | 36.326.290.000 |
| Và một số hợp đồng khác | Cáp Quang, Cáp VT sợi Cu, dây điện dân dụng | 15.000.000.000 |
| Tổng Cộng | | 285.858.948.794 |

Như vậy số tiền thu được từ đợt chào bán lần này dự kiến là 35.000.000.000 đồng (theo mệnh giá). Công ty sẽ sử dụng linh hoạt nhằm mua vật tư, nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh OEM/ODM thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin: điện thoại AVIO, máy tính 3G, Router, cho các hợp đồng đã ký kết trên...., ngoài ra Công ty tập trung làm thương hiệu và phát triển kênh phân phối máy tính 3G, điện thoại Avio kèm theo gói cước Alo của Vinaphone.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức Tư vấn

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 8 242 897 Fax: (84.8) 8 247 430
Email: ssi@ssi.com.vn Website: <http://www.ssi.com.vn>

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 8 2185 67 Fax: (84.8).2 910 590

Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: Số 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 9366 321 Fax: (84.4) 9366 318
Email: ssi_hn@ssi.com.vn

Chi nhánh Trần Bình Trọng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 9 426 718 Fax: (84.4) 9 426 719

Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: Số 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại: (84.31) 3 569 123 Fax: (84.31) 3 569 130

2. Tổ chức Kiểm toán

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Thành viên INPACT quốc tế.

Trụ sở chính: Số 1, Đường Lê Phụng Hiểu, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84.4) 3824 1990/1 Fax: (84.4) 3825 3973
Website: www.aasc.com.vn

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG

IX. PHỤ LỤC

- ❖ Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ❖ Phụ lục 2: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
- ❖ Phụ lục 3: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009
- ❖ Phụ lục 4: Báo cáo tài chính 5 tháng đầu năm 2010
- ❖ Phụ lục 5: Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng
- ❖ Phụ lục 6: Nghị quyết, biên bản ĐHCĐ thông qua phương án phát hành; Nghị quyết, biên bản HĐQT về việc phân phối cho CBCNV, CĐCL; phương án phát hành cổ phiếu năm 2010
- ❖ Phụ lục 7: Hồ sơ đợt phát hành trước
- ❖ Phụ lục 8: Các tài liệu khác.

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2010

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU MẠNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Mạnh Thắng

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngô Hồng Quân

Nguyễn Mạnh Hà

Vũ Hồng Hạnh

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI**

Trần Thị Thúy